

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án bảo vệ các công trình công đầu mỗi
quan trọng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh tại Tờ trình số 124/TTr-CTCTTL ngày 05 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án bảo vệ các công trình công đầu mỗi quan trọng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (Phương án số 01/PA-CTCTTL ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh chịu trách nhiệm về các nội dung của Phương án bảo vệ các công trình công đầu mỗi quan trọng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; căn cứ vào Phương án được phê duyệt tại Quyết định này tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN. *phong 03*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng

PHƯƠNG ÁN

Bảo vệ các công trình công đầu mối quan trọng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Việc ban hành Phương án bảo vệ công trình nhằm bảo đảm an toàn công trình trong quá trình quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.
- Chủ động phương án tổ chức, phối hợp kiểm tra bảo vệ công trình; kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm trong phạm vi bảo vệ của công trình, bảo đảm an toàn công trình.
- Thực hiện phương châm phòng ngừa là chính, kịp thời nắm bắt tình hình trong khu vực bảo vệ công trình để làm tốt công tác phòng ngừa từ xa, kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình.

2. Yêu cầu

- Việc khai thác, sử dụng công trình phải ưu tiên bảo đảm an toàn, không ảnh hưởng đến mục tiêu, nhiệm vụ của công trình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Việc quản lý an toàn công trình phải được thực hiện thường xuyên, liên tục trong quá trình quản lý, khai thác công trình; công tác xử lý, khắc phục các hành vi xâm hại công trình ưu tiên thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ “Chi huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ”.
- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc tham gia bảo vệ công trình.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Đơn vị quản lý, khai thác các công trình công đầu mối:

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh.
- Địa chỉ: số 10 đường Bạch Đằng, ấp Long Bình, Phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại : 0294 3 853 280

2. Đặc điểm địa hình

Trà Vinh có địa hình đồng bằng ven biển với các đặc trưng kiến tạo và địa hình chia thành các vùng trũng đan xen các giồng cát chạy xuyên suốt theo hình vòng cung và song song với bờ biển.

- Các khu vực phía Bắc của tỉnh nằm trong vùng nước ngọt và có địa hình tương đối bằng phẳng.

- Các khu vực phía Nam ven biển của tỉnh địa hình có dạng sóng, xen kẽ là giồng cát hình cánh cung do gió biển tạo thành. Các vùng trũng nằm xen kẽ với các giồng cát cao, xu thế độ dốc chỉ thể hiện trên từng cánh đồng. Cao trình phổ biến của Tỉnh khoảng 0,40-1,0m, chiếm 66% diện tích đất tự nhiên.

- Địa hình cao nhất (>4m) gồm đỉnh các giồng cát phân bố ở Nhị Trường, Long Sơn (Cầu Ngang), Ngọc Biên (Trà Cú), Long Hữu (Duyên Hải).

- Địa hình thấp nhất (<0,4m) tập trung tại các cánh đồng trũng Tập Sơn, Ngãi Xuyên (Trà Cú), Thanh Mỹ, cánh đồng Ô Cà Đa (Châu Thành), Mỹ Hòa, Mỹ Long, Hiệp Mỹ (Cầu Ngang), Long Vĩnh (Duyên Hải). Địa hình đồng bằng với các cao độ khác nhau, có thể chia thành 3 tiểu khu như sau:

+ Phía Bắc sông Cần Chông - Láng Thέ cao độ trung bình khoảng 0,7m.

+ Vùng Nam sông Cần Chông – Láng Thέ đến đoạn cuối Tỉnh lộ 36 là vùng đồng bằng xen kẽ với các tuyến giồng cát trung bình 2-3m, cao độ đồng bằng 0,5-0,75m.

+ Vùng Duyên Hải là vùng ngập mặn, đất đai đang được bồi đắp, cao độ địa hình khoảng 0,75-1,0m.

Do sự chia cắt bởi các giồng cát và hệ thống trục lộ, kênh rạch chằng chịt, địa hình toàn vùng khá phức tạp. Các vùng trũng xen kẽ với các giồng cao, xu thế độ dốc chỉ thể hiện trên từng cánh đồng. Riêng phần phía nam tỉnh là vùng đất thấp, bị các giồng cát hình cánh cung chia cắt thành nhiều vùng trũng cục bộ.

3. Thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình, chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình, tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ công trình

3.1. Công trình cống Thâu Râu. (Phụ lục 1)

3.2. Công trình cống Bến Chùa. (Phụ lục 2)

3.3. Công trình cống Vinh Kim. (Phụ lục 3)

3.4. Công trình cống Láng Thέ. (Phụ lục 4)

3.5. Công trình cống Cái Hóp. (Phụ lục 5)

3.6. Công trình cống Tân Dinh. (Phụ lục 6)

3.7. Công trình cống Bông Bót. (Phụ lục 7)

3.8. Công trình cống Rạch Rum. (Phụ lục 8)

3.9. Công trình cống Mỹ Văn. (Phụ lục 9)

3.10. Công trình cống Cần Chông. (Phụ lục 10)

3.11. Công trình cống Vàm Buôn. (Phụ lục 11)

3.12. Công trình cống Trà Cú. (Phụ lục 12)

3.13. Công trình cống La Bang. (Phụ lục 13)

4. Chế độ báo cáo, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất

4.1. Chế độ báo cáo:

a) Báo cáo thường xuyên (tháng).

Hàng tháng Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh (sau đây gọi là Công ty) báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT về tình hình mực nước, lượng mưa và các yếu tố khí tượng, thủy văn khác, các vi phạm đối với công trình đầu mối, kênh mương (nếu có), các số liệu quan trắc khác có liên quan.

b) Báo cáo định kỳ.

Công ty báo cáo định kỳ hàng năm theo quy định về Sở Nông nghiệp và PTNT, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (PCTT&TKCN) về hiện trạng an toàn các công trình công đầu mối quan trọng; Kế hoạch vận hành; Kết quả quan trắc công trình đã được hiệu chỉnh, phân tích đánh giá; các hư hỏng công trình và công tác khắc phục; các kết quả kiểm tra; các nội dung khác có liên quan.

c) Báo cáo đột xuất.

Công ty thực hiện báo cáo đột xuất về Sở Nông nghiệp và PTNT, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh khi xảy ra các tình huống có khả năng gây mất an toàn công trình như phát hiện các đột biến về kết quả theo dõi, các hư hỏng nặng của mái, thân, cửa cống, kênh dẫn thượng, hạ lưu...; nghi ngờ có âm mưu phá hoại; các vi phạm trong hành lang bảo vệ công trình.

4.2. Kiểm tra công trình:

a) Kiểm tra thường xuyên: kết hợp việc kiểm tra và vận hành cống, kiểm tra ít nhất 01 lần/ ngày; khi cống đóng mỗi tuần kiểm tra ít nhất 01 lần.

+ Trong điều kiện bình thường: quan trắc độ mặn, mực nước 2 ngày/lần ngày đêm vào lúc đỉnh triều.

+ Trong điều kiện xuất hiện mặn tăng cao bất thường: quan trắc độ mặn liên tục hàng giờ từ khi triều lên cho đến khi đạt đỉnh.

b) Kiểm tra định kỳ trước và sau mùa lũ hàng năm: hàng năm vào thời điểm trước mùa mưa, Công ty tiến hành kiểm tra đánh giá về hiện trạng công trình cống để kịp thời duy tu, sửa chữa các hạng mục có khả năng mất an toàn. Phối hợp Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp, chính quyền địa phương xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra.

c) Kiểm tra đột xuất: thực hiện kiểm tra đột xuất khi mưa lớn, triều cường dâng cao hoặc phát hiện công trình có hư hỏng đột xuất hoặc nghi ngờ có âm mưu phá hoại để có biện pháp xử lý kịp thời, bảo đảm an toàn công trình. Trường hợp phát hiện các cống có sự cố hư hỏng đột xuất vượt khả năng khắc phục, Công ty phải báo ngay Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh, đồng thời tổ chức thực hiện ngay các biện pháp xử lý tạm thời nhằm đảm bảo an toàn công trình, hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại có thể xảy ra.

5. Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình; quy định về phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại.

5.1. Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình.

- Trong phạm vi bảo vệ công trình, các phương tiện giao thông cơ giới, thủy nội địa (không bao gồm xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ) chỉ được hoạt động khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động.

- Cấm các phương tiện giao thông có tải trọng lớn (vượt quá giới hạn cho phép của công trình) lưu thông qua công trình.

5.2. Quy định về Phòng cháy chữa cháy, bảo vệ an toàn nơi lưu giữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại.

Công ty có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng cháy, chữa cháy theo đúng quy định; Hàng năm tổ chức tập huấn phòng cháy, chữa cháy cho nhân viên quản lý, vận hành quản lý cống; xây dựng nội quy bảo quản, sử dụng các hồ sơ, tài liệu liên quan đến công trình; xây dựng phương án về phòng ngừa, ứng phó sự cố khi sử dụng chất dễ cháy, chất độc hại, đặc biệt là không để các chất độc hại lẫn vào nguồn nước. Thực hiện bảo đảm an toàn các công trình, đường điện đi qua khu vực cống.

6. Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ công trình; trang thiết bị hỗ trợ bảo vệ.

6.1. Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ công trình.

a) Công ty có trách nhiệm:

- Lập và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên trong công tác quản lý, vận hành công trình; hàng năm rà soát, kiện toàn lại tổ chức lực lượng bảo vệ để đảm bảo công tác quản lý, vận hành công trình an toàn, hiệu quả.

- Phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị chức năng liên quan tổ chức tuyên truyền các văn bản pháp luật về thủy lợi.

- Chỉ đạo lực lượng bảo vệ nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ, tác phong, công tác ghi chép sổ nhật ký, việc giao nhận ca trực, công tác kiểm soát phương tiện qua lại công trình, công tác xử lý thông tin hàng ngày, công tác thỉnh thị, báo cáo ...

- Lực lượng bảo vệ:

+ Lực lượng nòng cốt: Phòng Quản lý khai thác của Công ty, bộ phận trực ban tại các Xí nghiệp (Trạm) thủy nông, Tổ quản lý vận hành cống.

Tại các vị trí công trình đầu mối, Công ty chỉ đạo các Xí nghiệp, Trạm thủy nông phân công các nhân viên vận hành, kiêm công tác bảo vệ trực luân phiên 24/24 giờ. Bên cạnh nhiệm vụ quản lý, vận hành thiết bị công trình, các nhân viên này cùng với nhân viên trực (Văn phòng Công ty, Xí nghiệp ...) có trách

nhệm theo dõi quá trình làm việc của công trình, thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, sẵn sàng đối phó với mọi hành vi xâm phạm an ninh, an toàn công trình, tham gia chữa cháy, phòng chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai, cứu hộ cứu nạn tại các khu vực công trình.

Trường hợp xảy ra sự cố, vụ việc liên quan đến công tác bảo vệ phải thông báo ngay cho lãnh đạo đơn vị và cơ quan công an nơi gần nhất, có biện pháp ngăn chặn kịp thời, bảo vệ hiện trường, tiến hành xác minh và thực hiện các yêu cầu của cơ quan công an (nếu có).

Công ty chỉ đạo các Xí nghiệp (Trạm) thủy nông bố trí tăng cường lực lượng cho các điểm có xảy ra sự cố.

+ Lực lượng phối hợp: chính quyền, công an, dân quân tự vệ địa phương.

b) UBND cấp huyện, cấp xã (có công trình trên địa bàn) chỉ đạo các phòng, ban chức năng liên quan, phối hợp với Công ty, các Xí nghiệp (Trạm) thủy nông, lực lượng quản lý công tiến hành xử lý các hành vi xâm phạm an ninh, an toàn công trình, tham gia chữa cháy, phòng chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai, cứu hộ cứu nạn tại các khu vực công trình; Phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho người dân trong khu vực biết và thực hiện nghiêm các quy định pháp luật thủy lợi, bảo vệ công trình; tổ chức thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, xử lý các hành vi vi phạm, gây mất an toàn công trình.

6.2. Tổ chức phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị trên địa bàn.

- Khi phát hiện có hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ công trình, có nguy cơ ảnh hưởng an toàn công trình, Xí nghiệp (Trạm) thủy nông khẩn trương phối hợp UBND cấp xã (cụ thể là lực lượng công an, dân quân) tổ chức ngăn chặn hành vi vi phạm, kiến nghị UBND cấp xã xử lý theo thẩm quyền, có văn bản báo cáo Công ty, UBND cấp huyện. Trường hợp vượt khả năng, báo cáo Công ty, đề xuất UBND cấp huyện xử lý. Trường hợp khẩn cấp báo cáo, kiến nghị bằng điện thoại (sau đó cụ thể bằng văn bản).

- Khi nhận được báo cáo của các Xí nghiệp (Trạm) thủy nông, Công ty khẩn trương tổ chức lực lượng, phân công lãnh đạo đến hiện trường nắm tình hình, phối hợp chính quyền địa phương tổ chức thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn công trình đồng thời báo cáo ngay với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh đề xuất phương án xử lý.

- Khi nhận được tin báo cũng như yêu cầu phối hợp của Xí nghiệp (Trạm) thủy nông, UBND cấp xã, cấp huyện (có công trình trên địa bàn) chỉ đạo các phòng, ban chức năng liên quan, tổ chức phối hợp chặt chẽ và tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công như mục b) phía trên.

- Công ty định kỳ phối hợp với các địa phương tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực cho lực lượng bảo vệ; thường xuyên nắm tình hình an ninh trật tự của địa phương nhằm có giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm có thể xảy ra.

- Phối hợp trong thực hiện phương án phòng, chống thiên tai.

- Khi xảy ra tình huống mất an toàn công trình vượt quá khả năng của Công ty phải báo cáo ngay cho Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, huyện và các xã để phối hợp tổ chức xử lý sự cố kịp thời.

6.3. Các hình thức xử lý hành vi vi phạm đến hành lang bảo vệ công trình thủy lợi.

- Khi phát hiện có hành vi vi phạm, ảnh hưởng đến an toàn công trình công Công ty, các Xí nghiệp (Trạm) thủy nông có trách nhiệm tổ chức ngăn chặn, đình chỉ ngay hành vi vi phạm, báo cáo, kiến nghị cơ quan chức năng (UBND, Công an các cấp) tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật.

- Các hình thức xử lý:

+ Đình chỉ hành vi vi phạm;

+ Cảnh cáo hoặc xử phạt vi phạm hành chính;

+ Tịch thu hoặc tạm giữ tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi xâm hại công trình;

+ Buộc phá dỡ các công trình xây dựng trái phép và khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra;

+ Lập và chuyển hồ sơ đến cơ quan tố tụng hình sự trong trường hợp vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng.

6.4. Trang thiết bị hỗ trợ, bảo vệ:

Danh mục trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ công trình:

a) Các cống Bến Chùa -Thâu Râu, Vĩnh Kim, Láng Thè, Cái Hóp, Bông Bót, Cần Chông. Mỗi cống:

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Chủng loại	Vị trí tập kết
1	Máy phát điện	01 cái	5,5 kW	Nhà quản lý
2	Máy Vi tính có kết nối Internet	01 bộ		Nhà quản lý
3	Áo phao	8 Cái		Nhà quản lý
4	Quần áo đi mưa	4 Bộ		Nhà quản lý
5	Phao cứu hộ	8 cái		Nhà quản lý
6	Ủng cao su	8 đôi		Nhà quản lý
7	Nón bảo hộ lao động	8 cái		Nhà quản lý
8	Đèn pin sạc	04 cái		Nhà quản lý
9	Máy điện thoại liên lạc	01 bộ		Nhà quản lý
10	Bình chữa cháy bột 8Kg	2 bình		Nhà quản lý
11	Loa cầm tay	2 cái		Nhà quản lý

b) Các cống Tân Dinh, Rạch Rum, Mỹ Văn, Vàm Buôn, Trà Cú, La Bang, mỗi cống:

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Chủng loại	Vị trí tập kết
1	Máy phát điện	01 cái	5,5 kW	Nhà quản lý

2	Máy Vi tính có kết nối Internet	01 bộ		Nhà quản lý
3	Áo phao	04 Cái		Nhà quản lý
4	Quần áo đi mưa	02 Bộ		Nhà quản lý
5	Phao cứu hộ	04 cái		Nhà quản lý
6	Ủng cao su	04 đôi		Nhà quản lý
7	Nón bảo hộ lao động	04 cái		Nhà quản lý
8	Đèn pin sạc	04 cái		Nhà quản lý
9	Máy điện thoại liên lạc	01 bộ		Nhà quản lý
10	Bình chữa cháy bột 8Kg	02 bình		Nhà quản lý
11	Loa cầm tay	02 cái		Nhà quản lý

c) Đội Duy tu sửa chữa:

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Chủng loại	Vị trí tập kết
1	Nón bảo hộ lao động	07 cái		Kho
2	Dây đai toàn thân	02 cái		Kho
3	Ủng cao su	07 đôi		Kho
4	Thang dây móc 10m	01 cái		Kho
5	Găng tay đa dụng	07 đôi		Kho

6.5. Thông tin liên lạc:

T	Đơn vị	Số điện thoại	Email
1	Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh	02943.853.280	phonghanhchanhcongty@gmail.com
2	Phòng Quản lý khai thác	02943.854.028	pqlktcongty@gmail.com
3	Xí nghiệp thủy nông Cầu Kè	02943.834.086	sangkt304@gmail.com
4	Xí nghiệp thủy nông Tiểu Cần	02943.822.073	sonngocdinh921@gmail.com
5	Xí nghiệp thủy nông Càng Long	02943.882.207	thuynongcl882207@gmail.com
6	Xí nghiệp thủy nông Châu Thành	02943.872.044	xntnchauthanhtv@gmail.com
7	Xí nghiệp thủy nông Cầu Ngang	02942.215.160	xntncaungang@gmail.com
8	Xí nghiệp thủy nông Trà Cú	02942.218.426	xntntracu@gmail.com

9	Xí nghiệp thủy nông Duyên Hải	02943.776.212	xinghiepthuynongduyenhai@gmail.com
10	Trạm thủy nông Tp.Trà Vinh	0913.919.656	ksnguyenvietnam@gmail.com

7. Tổ chức kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện ra, vào công trình

Công ty có trách nhiệm lắp đặt biển cảnh báo đồng thời phối hợp UBND cấp xã thực hiện các biện pháp để quản lý, đảm bảo an toàn công trình.

- Người, phương tiện ra, vào khu vực công trình phải được sự cho phép của nhân viên quản lý. Khi phát hiện có người và phương tiện vào khu vực công trình: nhân viên quản lý có trách nhiệm nhắc nhở để người, phương tiện không được đi vào khu vực công trình khi chưa được cho phép. Khi người, phương tiện vi phạm không thực hiện theo yêu cầu, nhân viên quản lý thông báo và phối hợp với Chính quyền địa phương yêu cầu người, phương tiện vi phạm giải tán khỏi khu vực cấm. Nếu người, phương tiện vi phạm không chấp hành thì kiến nghị chính quyền địa phương tiến hành lập biên bản, tạm giữ người, phương tiện vi phạm đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng xử lý theo pháp luật.

- Khi phát hiện có người điều khiển phương tiện giao thông có trọng tải lớn lưu thông qua công trình, nhân viên quản lý có nhiệm vụ thông báo, giải thích cho người điều khiển phương tiện biết việc không cho phương tiện vào, ra công trình. Trường hợp không thể giải thích, người quản lý kiên quyết không cho phương tiện đi qua, đồng thời ghi nhận lại thông tin của người muốn điều khiển phương tiện (như họ tên, Giấy chứng minh/căn cước công dân, địa chỉ, loại phương tiện, tải trọng ...) và thông báo đến chính quyền địa phương, Xí nghiệp (Trạm) thủy nông cấp huyện biết, phối hợp xử lý.

- Trường hợp phát hiện các phương tiện giao thông thủy neo đậu, đánh bắt trong phạm vi bảo vệ công trình, nhân viên quản lý công thông báo và hướng dẫn các phương tiện di chuyển đến vị trí neo đậu hợp lý, đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương để thực hiện các biện pháp quản lý với các phương tiện không chấp hành.

- Phối hợp địa phương thông báo, tuyên truyền cho người dân biết việc không cho phép xe quá tải trọng lưu thông qua công trình đang vận hành, các quy định về bảo vệ công trình thủy lợi,...

8. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình và vùng phụ cận của công trình.

8.1. Công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm.

- Công ty định kỳ tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực cho lực lượng quản lý, vận hành an toàn công trình theo quy trình đã được phê duyệt; Tuân thủ chặt chẽ các quy định về phòng, chống lụt, bão; phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ công trình đã được lập; Thường xuyên kiểm tra các hạng mục công trình và vùng phụ cận nhằm sớm phát hiện, ngăn ngừa, xử lý các hành vi vi phạm an toàn công trình.

- Công ty và chính quyền địa phương phối hợp:

+ Tổ chức phổ biến, tuyên truyền cho nhân dân trong khu vực công trình biết và thực hiện các quy định pháp luật về thủy lợi và phòng, chống thiên tai, về an toàn công trình, các nội dung về bảo vệ công trình thủy lợi ... nhằm ngăn ngừa các hành vi gây mất an toàn công trình;

+ Thường xuyên nắm tình hình hoạt động của các loại hình tội phạm, các đối tượng cực đoan, trộm cắp, phá hoại, gây rối an ninh, trật tự trong khu vực, tình hình tranh chấp đất đai quanh khu vực công trình để đề ra các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn.

8.2. Xử lý các hành vi vi phạm

- Khi phát hiện có hành vi phá hoại như khoan, đào đất và các hoạt động trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình nhưng chưa đến mức xử lý, nhân viên quản lý công trình phối hợp với chính quyền địa phương tiếp cận với đối tượng phá hoại yêu cầu dừng ngay hoạt động trên, đồng thời giải thích cho đối tượng hiểu rõ các quy định của pháp luật về thủy lợi và báo cáo chính quyền địa phương phối hợp xử lý.

- Khi phát hiện có hành vi phá hoại công trình, các thiết bị đóng mở công ..., nhân viên quản lý công trình thông báo và phối hợp ngay với chính quyền địa phương tổ chức ngăn chặn không cho sự việc xảy ra, tiến hành các biện pháp phù hợp theo quy định, lập biên bản vụ việc, đồng thời báo cho cấp thẩm quyền xử lý theo quy định.

- Trường hợp hành vi phá hoại đã xảy ra nhưng chưa phát hiện được thủ phạm, nhân viên quản lý công trình phối hợp chính quyền địa phương bảo vệ hiện trường, đồng thời báo cho Xí nghiệp (Trạm) thủy nông, Công ty (Phòng Quản lý khai thác hoặc Ban Giám đốc công ty), Công an cấp huyện phối hợp điều tra làm rõ.

9. Bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình khi xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố.

a) Công ty triển khai thực hiện đầy các quy định về quản lý, bảo vệ công trình thủy lợi; Hàng năm phối hợp địa phương và các bên có liên quan rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy trình vận hành, Phương án bảo vệ công trình cho phù hợp với quy định và tình hình thực tế.

b) Trường hợp công trình xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố.

- Khi phát hiện sự cố hoặc nguy cơ xảy ra sự cố, nhân viên quản lý công trình có trách nhiệm báo ngay cho chính quyền địa phương, Xí nghiệp (Trạm) thủy nông cấp huyện phối hợp tăng cường lực lượng, có biện pháp bảo vệ 24/24h khu vực xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố. Tuyệt đối không cho người và phương tiện qua lại nếu không có phận sự.

- Báo cáo về Công ty về tình hình sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố, đề xuất giải pháp và xin ý kiến về việc thực hiện ngay các biện pháp ứng phó đảm bảo an toàn công trình.

- Sau khi nhận được thông tin, Lãnh đạo công ty tổ chức lực lượng, phương tiện tiến hành ngay các biện pháp ứng phó. Căn cứ mức độ nghiêm trọng của sự

cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố nếu vượt quá khả năng, trách nhiệm xử lý báo cáo ngay Sở Nông nghiệp và PTNT, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, UBND tỉnh xin ý kiến chỉ đạo, đồng thời phối hợp chính quyền địa phương thông báo cho người dân trong khu vực biết để có biện pháp chủ động ứng phó, hạn chế những thiệt hại có thể xảy ra.

c) Nguồn lực tổ chức thực hiện

- Công ty sử dụng phần trang thiết bị đã được trang bị, lực lượng hiện có (nhân viên quản lý công trình, nhân viên các Xí nghiệp thủy nông, Đội Duy tu sửa chữa ...), đồng thời phối hợp với địa phương tổ chức huy động lực lượng, vật tư, phương tiện sẵn có trên địa bàn để xử lý các tình huống theo khả năng.

- Trường hợp vượt quá khả năng, Công ty phải báo cáo, đề xuất ngay với Sở Nông nghiệp và PTNT, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, UBND tỉnh huy động vật tư, phương tiện, trang thiết bị để ứng phó, xử lý sự cố.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các cơ quan, địa phương, đơn vị.

1.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thực hiện chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Phương án này.

- Chủ trì phối hợp các ngành, địa phương, đơn vị có liên quan xem xét, giải quyết những vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện Phương án này.

1.2. Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh.

- Tổ chức xây dựng, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên quản lý vận hành công trình công; Thường xuyên giáo dục nhân viên nâng cao ý thức cảnh giác trong bảo vệ an toàn công trình; Tổ chức trực ban bảo vệ nghiêm túc, kiểm tra tình hình an toàn công trình, sẵn sàng thực hiện các biện pháp ứng phó các tình huống sự cố công trình.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc các phương án, kế hoạch, quy trình vận hành, bảo trì, bảo dưỡng công trình và các quy định về bảo vệ công trình đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức xây dựng, trình cấp thẩm quyền quyết định ban hành Quy chế phối hợp với các ngành, địa phương, đơn vị về bảo vệ công trình thủy lợi.

- Phối hợp chặt chẽ với UBND cấp huyện, xã tổ chức ứng phó kịp thời các tình huống sự cố ảnh hưởng đến an toàn công trình; Kịp thời ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm các quy định về bảo vệ công trình thủy lợi.

1.3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

- Chỉ đạo tổ chức triển khai, tuyên truyền, phổ biến, các quy định của pháp luật về thủy lợi.

- Tăng cường thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền.

- Phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh trong việc thực hiện các biện pháp ứng phó, xử lý các tình huống sự cố công trình.

1.4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (có công trình trên địa bàn).

- Tuyên truyền, phổ biến cho Nhân dân địa phương thực hiện các quy định của pháp luật về công tác khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

- Chủ động, phối hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ công trình, không để phát sinh thêm các trường hợp vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; tổ chức kiểm tra, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương, trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo UBND cấp huyện xử lý.

- Phối hợp, hỗ trợ trong công tác vận hành đóng, mở cửa cống phục vụ giao thông thủy, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn vận hành của công trình và người tham gia giao thông, đặc biệt là trong thời gian xảy ra bão, lũ, triều cường, xâm nhập mặn.

- Phối hợp chặt chẽ với Xí nghiệp, Trạm thủy nông trong việc thực hiện các biện pháp ứng phó, xử lý các tình huống sự cố công trình.

2. Khen thưởng và xử lý vi phạm.

Các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Phương án này sẽ được khen thưởng theo quy định. Mọi hành vi vi phạm Phương án này sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

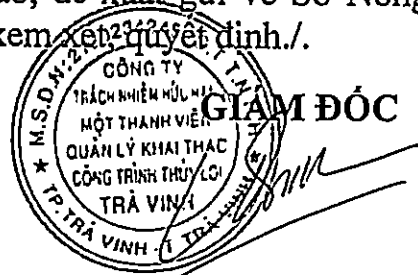
3. Sửa đổi, bổ sung.

- Trường hợp các quy định pháp luật có liên quan đến Phương án này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, địa phương, đơn vị báo cáo, đề xuất gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, trình Ủy ban nhân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Chủ tịch công ty (b/c);
- Ban Giám đốc công ty;
- Lưu: VT, QLKT./.



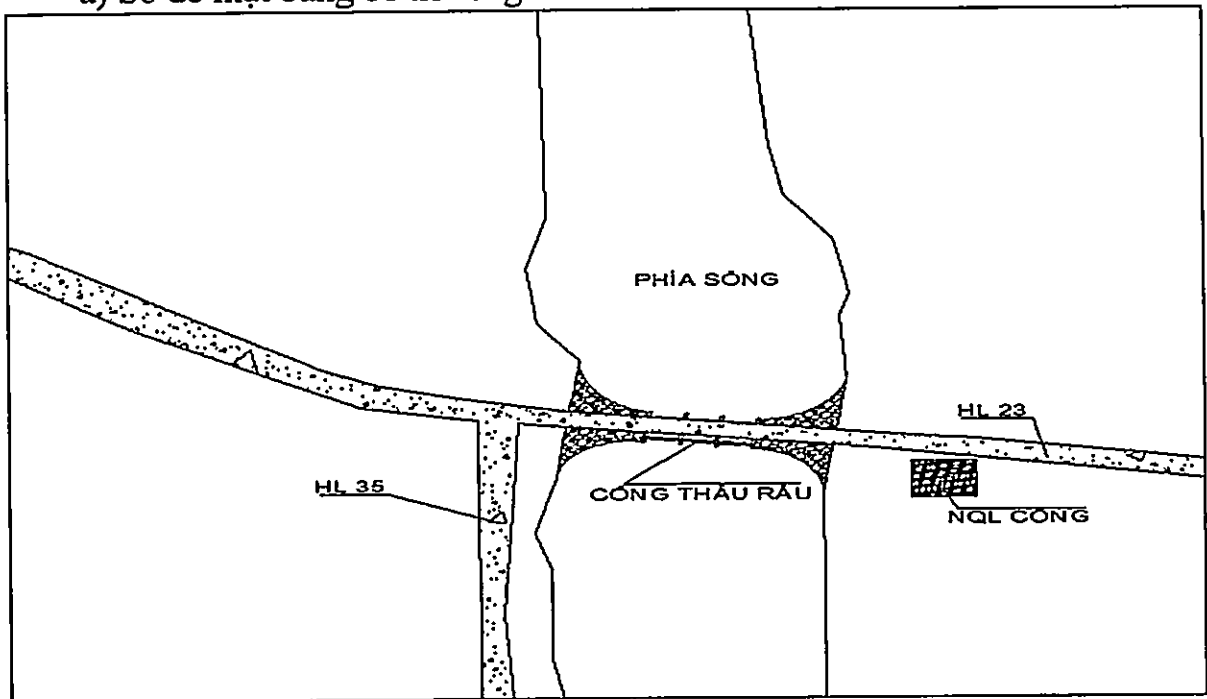
Lê Phước Dũng



Phụ lục 1. Công trình cống Thâu Râu

1. Tên công trình: Công trình cống Thâu Râu
2. Địa điểm xây dựng: xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang
3. Cấp công trình: cấp III (theo Quyết định 1562/NN-ĐTXD/QĐ ngày 13/09/1996 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).
4. Phân loại công trình thủy lợi: cống vừa (theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/05/2018 của Chính phủ).
5. Năm xây dựng – hoàn thành: 1998-1999
6. Nhiệm vụ: cùng với các công trình khác trong khu dự án, làm nhiệm vụ ngăn mặn giữ ngọt tưới cho 11.900 ha đất canh tác, giải quyết nước sinh hoạt cho dân trong vùng. Tiêu úng, tiêu chua cho 14.946 ha đất tự nhiên. Tạo điều kiện phát triển giao thông thủy bộ, tạo địa bàn dân cư trong vùng.
7. Tổng vốn đầu tư (giá trị tài sản bàn giao): toàn hệ thống: 31.071.080.518 đồng. Trong đó giá trị cống 20.951.030.543 đồng.
8. Đơn vị quản lý, khai thác: Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh.
9. Sơ đồ mặt bằng, thông số thiết kế và chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình:

a) Sơ đồ mặt bằng bố trí công trình:



b) Thông số thiết kế:

- Tần suất đảm bảo tưới: $p=75\%$
- Tần suất tiêu:
 - + Mưa trong đồng: $p=10\%$
 - + Triều ngoài sông : $P=25\%$

Phân công:

- Khẩu diện thông cống 24m, chia thành 03 khoang cửa
- Kích thước cửa BxH= (8,5x5,9)m
- Cao trình ngưỡng cống: -3,5m
- Cao trình đỉnh tường biên: +2,5m
- Trên cống có cầu giao thông tiêu chuẩn tải trọng H13-X30.

Phần kênh dẫn thương, hạ lưu: Chiều rộng đáy 37m, cao trình đáy: -4,0m; dài L=1.126m.

Phần đập đất: Mặt rộng 10m, dài 140m, cao trình đỉnh đập: +2,5m

Nhà Quản Lý: cấp III, diện tích sử dụng 36m² (theo quyết định 1562/NN-ĐT XD/QĐ ngày 13/09/1996 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

c) Quản lý theo ranh mốc công trình:

- Quản lý ranh mốc theo phạm vi xây dựng công trình (diện tích giải phóng mặt bằng).

- Chưa thực hiện việc cắm mốc chỉ giới thủy lợi.

10. Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ cống:

- Công trình có nhiệm vụ kiểm soát mặn mặn, tiêu úng, xô phèn trên địa bàn các huyện Cầu Ngang và Duyên Hải, liên các xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Hòa, Mỹ Long Nam, Thạnh Hòa Sơn, Hiệp Mỹ, Long Sơn huyện Cầu Ngang; xã Ngũ Lạc, Long Hữu huyện Duyên Hải. Ngoài ra, cấp nước sinh hoạt cho nhân dân và tạo mạng lưới giao thông đường thủy góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh.

- Công trình thủy lợi cống Thâu Râu hiện có 02 người trực tiếp tham gia công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Trực tiếp vận hành và bảo vệ công trình.

+ Thực hiện việc quan trắc chất lượng nguồn nước.

+ Niêm yết công khai kế hoạch vận hành, lịch vận hành, số liệu quan trắc tại nhà quản lý cống.

+ Theo dõi, kiểm tra công trình, kịp thời phát hiện hư hỏng. Báo cáo về trên để có biện pháp bảo trì, bảo dưỡng đảm bảo an toàn trong vận hành.

+ Kiến nghị về Xí nghiệp thủy nông Cầu Ngang, Công ty, các cấp có thẩm quyền, các ngành chức năng hoặc đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết trong trường hợp công trình bị xâm hại, ảnh hưởng đến công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.

+ Thường xuyên tuyên truyền quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cho người dân địa phương, đồng thời có biện pháp kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm công trình.

Phụ lục 2. Công trình cống Bến Chùa



1. Tên công trình: Công trình cống Bến Chùa.

2. Địa điểm xây dựng: xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang.

3. Cấp công trình: cấp IV (theo Quyết định 696/QĐ-BNN-XNCB ngày 05/03/2002 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

4. Phân loại công trình thủy lợi: cống lớn (theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/05/2018 của Chính phủ).

5. Năm xây dựng – hoàn thành: 2002-2004.

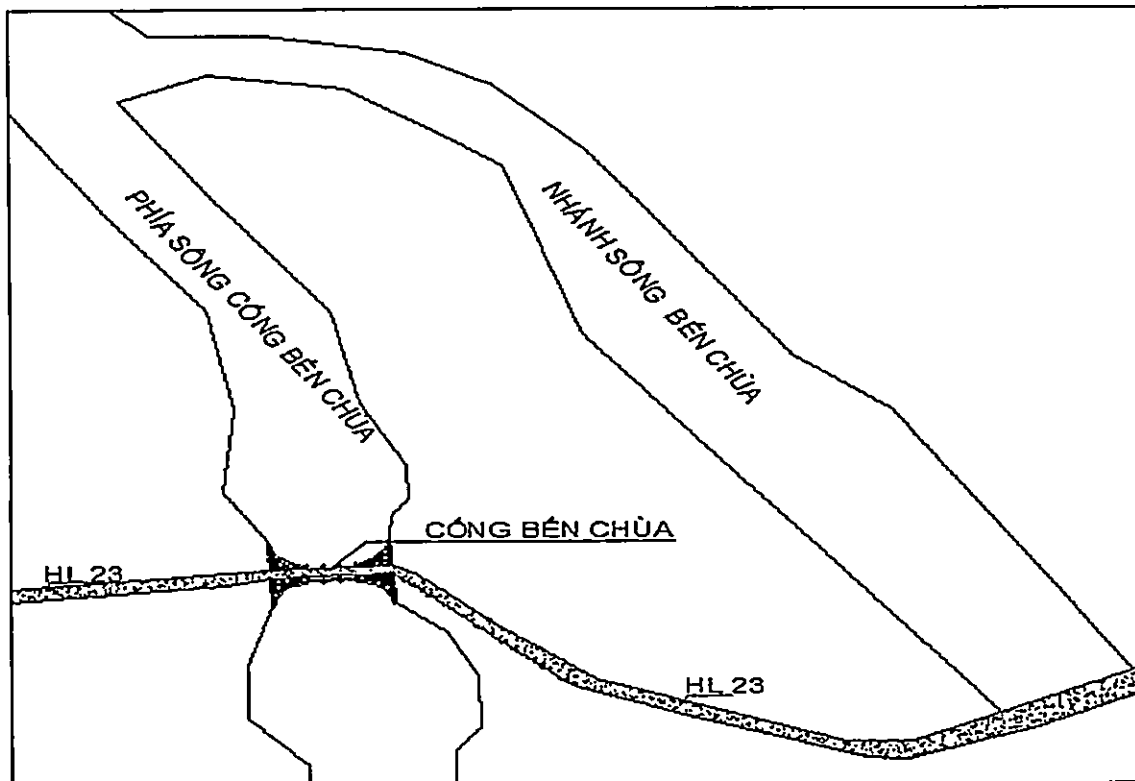
6. Nhiệm vụ: cùng với các công trình khác trong khu dự án, làm nhiệm vụ kiểm soát mặn, giữ ngọt, lấy ngọt, dâng mực nước tưới, tiêu úng, tiêu chua, rửa phèn, cải tạo môi sinh, môi trường cho khoảng 21.700 ha đất sản xuất nông nghiệp và phát triển thủy sản; kết hợp giao thông thủy bộ, cấp nước sinh hoạt.

7. Tổng vốn đầu tư (giá trị theo thiết kế kỹ thuật): toàn công trình: 21.593.021.400 đồng. Trong đó giá trị cống 17.817.980.000 đồng.

8. Đơn vị quản lý, khai thác: Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh.

9. Sơ đồ mặt bằng, thông số thiết kế và chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình:

a) Sơ đồ mặt bằng bố trí công trình:



b) Thông số thiết kế:

- Tần suất đảm bảo tưới: $p=75\%$.

- Tần suất tiêu:

+ Mưa trong đồng: $p=10\%$.

+ Triều ngoài sông : $P=25\%$.

Phân công:

- Khẩu diện thông công 30m, chia thành 03 khoang cửa.
- Kích thước cửa $B \times H = (10,5 \times 7,2)$ m.
- Cao trình ngưỡng công: -4,5m.
- Cao trình đỉnh tường biên: +2,5m
- Trên công có cầu giao thông tiêu chuẩn tải trọng H18-X80 bằng bê tông cốt thép M300, mặt rộng 7m.

Phân kênh dẫn thương, ha lưu: Chiều rộng đáy 40m, cao trình đáy: -4,5m; phía sông $L=632$ m, phía đồng $L=336$ m.

c) Quản lý theo ranh mốc công trình.

- Quản lý ranh mốc theo phạm vi xây dựng công trình (diện tích giải phóng mặt bằng).

- Chưa thực hiện việc cắm mốc chỉ giới thủy lợi

10. Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ công:

- Công trình có nhiệm vụ kiểm soát mặn mặn, tiêu úng, xở phèn trên địa bàn các huyện Cầu Ngang và Duyên Hải, liên các xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Hòa, Mỹ Long Nam, Thạnh Hòa Sơn, Hiệp Mỹ, Long Sơn huyện Cầu Ngang; xã Ngũ Lạc, Long Hữu huyện Duyên Hải. Ngoài ra, cấp nước sinh hoạt cho nhân dân và tạo mạng lưới giao thông đường thủy góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh.

- Công trình thủy lợi cống Bến Chùa hiện có 02 người trực tiếp tham gia công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Trực tiếp vận hành và bảo vệ công trình.

+ Thực hiện việc quan trắc chất lượng nguồn nước.

+ Niêm yết công khai kế hoạch vận hành, lịch vận hành, số liệu quan trắc tại nhà quản lý công.

+ Theo dõi, kiểm tra công trình, kịp thời phát hiện hư hỏng. Báo cáo về trên để có biện pháp bảo trì, bảo dưỡng đảm bảo an toàn trong vận hành.

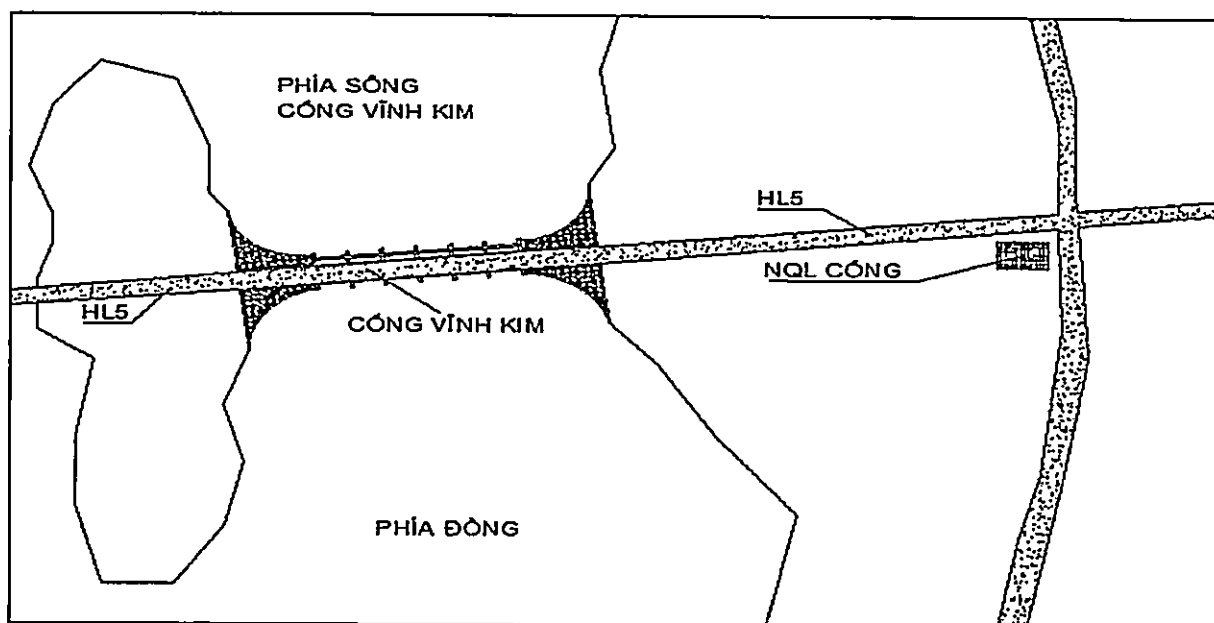
+ Kiến nghị về Xí nghiệp thủy nông Cầu Ngang, Công ty, các cấp có thẩm quyền, các ngành chức năng hoặc đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết trong trường hợp công trình bị xâm hại, ảnh hưởng đến công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.

+ Thường xuyên tuyên truyền quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cho người dân địa phương, đồng thời có biện pháp kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm công trình.



Phụ lục 3. Công trình cống Vĩnh Kim

1. **Tên công trình:** Công trình cống Vĩnh Kim.
2. **Địa điểm xây dựng:** xã Phước Hào, huyện Châu Thành và xã Vĩnh Kim, huyện Cầu Ngang.
3. **Cấp công trình:** cấp IV (theo Quyết định 5166/QĐ-BNN-XNCB ngày 29/10/2001 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).
4. **Phân loại công trình thủy lợi:** cống lớn (theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/05/2018 của Chính phủ).
5. **Năm xây dựng – hoàn thành:** 2002
6. **Nhiệm vụ:** Cùng với các công trình khác trong khu dự án, làm nhiệm vụ kiểm soát mặn, giữ ngọt, tạo nguồn ngọt, ngăn triều cường, tiêu úng, tiêu chua, phèn và cải tạo môi sinh môi trường 21.700ha đất sản xuất nông nghiệp và duy trì và phát triển thủy sản; kết hợp giao thông thủy bộ, cấp nước sinh hoạt.
7. **Tổng vốn đầu tư (giá trị theo thiết kế kỹ thuật):** cả hệ thống: 77.414.000.000 đồng. Trong đó, giá trị cống (quyết toán) 30.480.915.911 đồng.
8. **Đơn vị quản lý, khai thác:** Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh.
9. **Sơ đồ mặt bằng, thông số thiết kế và chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình:**
 - a) Sơ đồ mặt bằng bố trí công trình:



- b) Thông số thiết kế:
 - Tần suất đảm bảo tưới: $p=75\%$.
 - Tần suất tiêu:
 - + Mưa trong đồng: $p=10\%$.
 - + Triều ngoài sông : $P=25\%$.

Phân công:

- Khẩu diện thông cống 60m, chia thành 06 khoang cửa
- Kích thước cửa BxH= (10,5x6,7)m.
- Cao trình ngưỡng cống: -4,5m.
- Cao trình đỉnh tường biên: +2,5m.
- Trên cống có cầu giao thông tiêu chuẩn tải trọng H18-X80

Phần kênh dẫn thương, hạ lưu: Chiều rộng đáy 76m, cao trình đáy: -4,5m.

Phần đường nối cống với đê bao: Chiều dài 100m, chiều rộng mặt 6m, cao trình mặt =2,5m

Nhà Quản Lý: cấp III, diện tích sử dụng 45m², sử dụng chung nhà quản lý với cống Chà Và đã xây dựng trước đó (cấp công trình theo quyết định 2408 NN- ĐTXD/QĐ ngày 31/12/1996 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

c) Quản lý theo ranh mốc công trình.

- Quản lý ranh mốc theo phạm vi xây dựng công trình (diện tích giải phóng mặt bằng).

- Chưa thực hiện việc cắm mốc chỉ giới thủy lợi.

10. Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ công:

- Công trình có nhiệm vụ kiểm soát mặn mặn, tiêu úng, tiêu chua, xở phèn cải tạo môi sinh môi trường trên địa bàn liên xã Vinh Kim, Mỹ Hòa, Hiệp Hòa, Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang. Ngoài ra, cấp nước sinh hoạt cho nhân dân và tạo mạng lưới giao thông đường thủy góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh.

- Công trình thủy lợi cống Vĩnh Kim hiện có 02 người trực tiếp tham gia công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Trực tiếp vận hành và bảo vệ công trình.

+ Thực hiện việc quan trắc chất lượng nguồn nước.

+ Niêm yết công khai kế hoạch vận hành, lịch vận hành, số liệu quan trắc tại nhà quản lý cống.

+ Theo dõi, kiểm tra công trình, kịp thời phát hiện hư hỏng. Báo cáo về trên để có biện pháp bảo trì, bảo dưỡng đảm bảo an toàn trong vận hành.

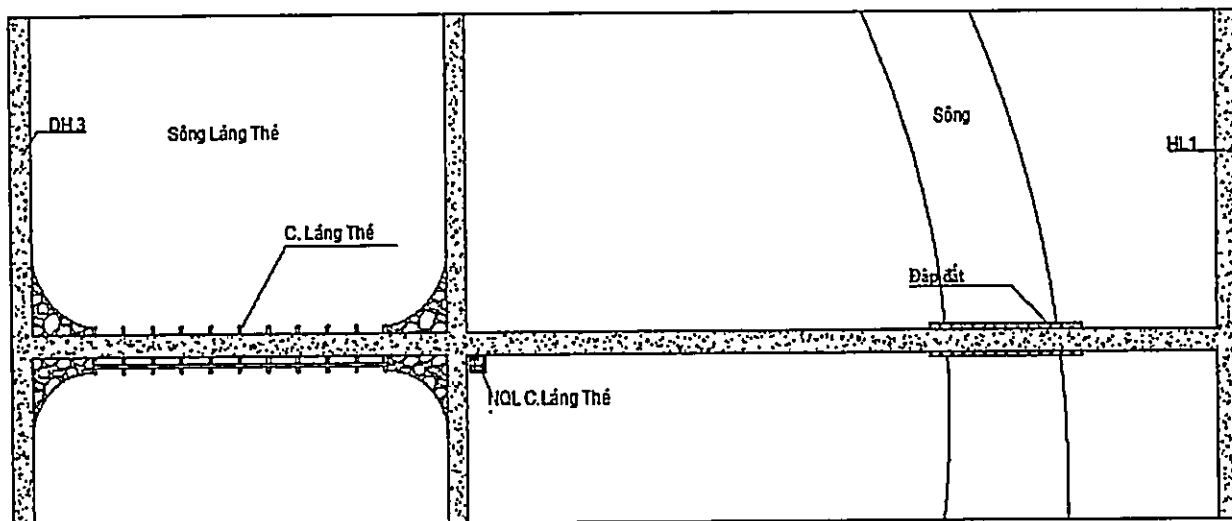
+ Kiến nghị về Xí nghiệp thủy nông Cầu Ngang, Công ty, các cấp có thẩm quyền, các ngành chức năng hoặc đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết trong trường hợp công trình bị xâm hại, ảnh hưởng đến công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.

+ Thường xuyên tuyên truyền quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cho người dân địa phương, đồng thời có biện pháp kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm công trình.

Phụ lục 4. Công trình cống Láng Thê.



1. Tên công trình: Công trình cống Láng Thê.
2. Địa điểm xây dựng: xã Đại Phước, huyện Càng Long.
3. Cấp công trình: cấp III (theo Quyết định 726/QĐ-BNN-XNCB ngày 07/03/2002 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).
4. Phân loại công trình thủy lợi: cống lớn (theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/05/2018 của Chính phủ).
5. Năm xây dựng – hoàn thành: 2003-2005.
6. Nhiệm vụ: Cùng với các công trình khác phục vụ diện tích tưới 177.792 ha, tiêu 267.000 ha. Riêng cống trực tiếp tưới 26.650 ha, tiêu 31.140 ha. Cấp nước cho sinh hoạt, tiêu chua, cải tạo đất, cải tạo môi sinh môi trường, đảm bảo giao thông thủy bộ.
7. Tổng vốn đầu tư (giá trị theo thiết kế kỹ thuật): toàn công trình: 103.129.000.000 đồng. Trong đó giá trị xây lắp 76.681.000.000 đồng.
8. Đơn vị quản lý, khai thác: Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh.
9. Sơ đồ mặt bằng, thông số thiết kế và chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình:
 - a) Sơ đồ mặt bằng bố trí công trình:



- b) Thông số thiết kế:
 - Tần suất đảm bảo tưới: $p=75\%$.
 - Tần suất tiêu:
 - + Mưa trong đồng: $p=10\%$.
 - + Triều ngoài sông : $P=25\%$

Phân công:

- Khẩu diện thông cống 100m, chia thành 10 khoang cửa.
- Kích thước cửa $B \times H = (10,5 \times 7,2)$ m.

- Cao trình ngưỡng cống: -4,5m.
- Cao trình đỉnh tường biên: +2,5m.
- Trên cống có cầu giao thông tiêu chuẩn tải trọng H18-X80 bằng bê tông cốt thép M300, mặt rộng 7m.

Phần đập đất: Dài 200m; cao trình đỉnh đập: +3,0m; chiều rộng mặt 10m; rải cấp phối dài 0,3m, rộng 8m.

Phần kênh dẫn thương, hạ lưu: Chiều rộng đáy 125m, cao trình đáy: -4,5m; phía thượng lưu L=733m, phía hạ lưu L=903m.

Phần đường quản lý nổi cống đập kết hợp đê bao: Chiều dài 594m; cao trình mặt +2,5m, rộng 6m, rải đất cấp phối dày 0,3m, rộng 4m.

Nhà quản lý cống: cấp III, diện tích 100m² (theo quyết định 726/QĐ-BNN-XNCB ngày 07/03/2002 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

c) Quản lý theo ranh mốc công trình.

- Quản lý ranh mốc theo phạm vi xây dựng công trình (diện tích giải phóng mặt bằng).

- Chưa thực hiện việc cắm mốc chỉ giới thủy lợi.

10. Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ cống:

- Công trình có nhiệm vụ ngăn mặn, tiêu úng, xở phèn trên địa bàn các huyện Tiểu Cần, Châu Thành, TP Trà Vinh, Càng Long. Ngoài ra, cấp nước sinh hoạt cho nhân dân và tạo mạng lưới giao thông đường thủy góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh.

- Công trình thủy lợi cống Láng Thè hiện có 03 người trực tiếp tham gia công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Trực tiếp vận hành và bảo vệ công trình.

+ Thực hiện việc quan trắc chất lượng nguồn nước.

+ Niêm yết công khai kế hoạch vận hành, lịch vận hành, số liệu quan trắc tại nhà quản lý cống.

+ Theo dõi, kiểm tra công trình, kịp thời phát hiện hư hỏng. Báo cáo về trên để có biện pháp bảo trì, bảo dưỡng đảm bảo an toàn trong vận hành.

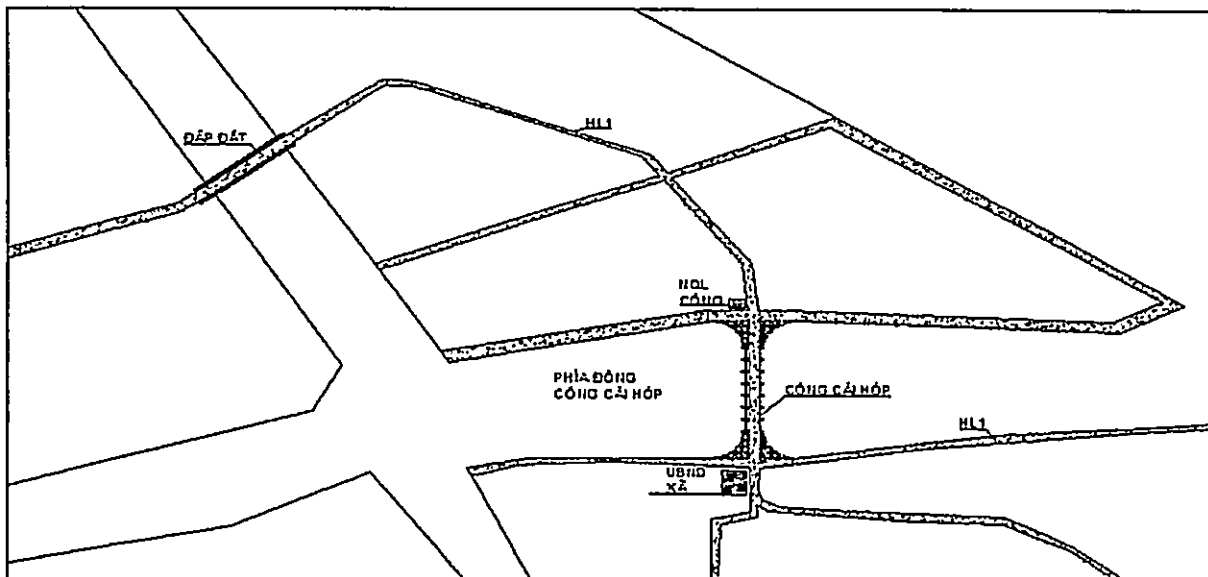
+ Kiến nghị về Xí nghiệp thủy nông Càng Long, Công ty, các cấp có thẩm quyền, các ngành chức năng hoặc đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết trong trường hợp công trình bị xâm hại, ảnh hưởng đến công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình;

+ Thường xuyên tuyên truyền quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cho người dân địa phương, đồng thời có biện pháp kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm công trình.



Phụ lục 5. Công trình cống Cái Hóp

1. **Tên công trình:** Công trình cống Cái Hóp.
2. **Địa điểm xây dựng:** xã Đức Mỹ, huyện Càng Long.
3. **Cấp công trình:** cấp III (theo Quyết định 1412/QĐ-BNN-XNCB ngày 17/04/2002 của của Bộ Nông nghiệp và PTNT).
4. **Phân loại công trình thủy lợi:** cống lớn (theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/05/2018 của Chính phủ).
5. **Năm xây dựng – hoàn thành:** 2004-2005.
6. **Nhiệm vụ:** cùng với các công trình khác phục vụ diện tích tưới 177.792 ha, tiêu 267.000 ha. Riêng cống trực tiếp tưới 9.760 ha, tiêu 11.729 ha. Cấp nước cho sinh hoạt, tiêu chua, cải tạo đất, cải tạo môi sinh môi trường, đảm bảo giao thông thủy bộ.
7. **Tổng vốn đầu tư (giá trị theo thiết kế kỹ thuật):** toàn công trình: 90.719.000.000 đồng. Trong đó giá trị xây lắp 67.790.000.000 đồng.
8. **Đơn vị quản lý, khai thác:** Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh.
9. **Sơ đồ mặt bằng, thông số thiết kế và chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình:**
 - a) Sơ đồ mặt bằng bố trí công trình:



b) Thông số thiết kế:

- Tần suất đảm bảo tưới: $p=75\%$.
- Tần suất tiêu:
 - + Mưa trong đồng: $p=10\%$.
 - + Triều ngoài sông : $P=25\%$.

Phân công:

- Khẩu diện thông cống 70m, chia thành 07 khoang cửa.

- Kích thước cửa BxH= (10,5x7,2) m.

- Cao trình ngưỡng cống: -4,5m.

- Cao trình đỉnh tường biên: +2,5m.

- Trên cống có cầu giao thông tiêu chuẩn tải trọng H18-X80 bằng bê tông cốt thép M300, mặt rộng 7m.

Phần đập đất: Dài 130m; cao trình đỉnh đập: +3,0m; chiều rộng mặt 10m; rải cấp phối dài 0,3m, rộng 8m.

Phần kênh dẫn thương, ha lưu: Chiều rộng đáy 115m, cao trình đáy: -4,5m; phía sông L=460m, phía đồng L=240m.

Phần đường quản lý nổi cống đập kết hợp đê bao: Chiều dài 1.650m; cao trình mặt +2,5m, rộng 6m, rải đất cấp phối dày 0,3m, rộng 4m.

Nhà quản lý cống: cấp III, diện tích 100m² (theo quyết định 1412/QĐ-BNN-XNCB ngày 17/04/2002 của của Bộ Nông Nghiệp và PTNT).

c) Quản lý theo ranh mốc công trình.

- Quản lý ranh mốc theo phạm vi xây dựng công trình (diện tích giải phóng mặt bằng).

- Chưa thực hiện việc cắm mốc chỉ giới thủy lợi.

10) Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ cống:

- Công trình có nhiệm vụ ngăn mặn, tiêu úng, xả phèn trên địa bàn liên các xã Mỹ Cẩm, An Trường, Tân Bình, Nhị Long, Đức Mỹ, Thị trấn Càng Long, huyện Càng Long. Ngoài ra, cấp nước sinh hoạt cho nhân dân và tạo mạng lưới giao thông đường thủy góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh.

- Công trình thủy lợi cống Cái Hóp hiện có 02 người trực tiếp tham gia công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Trực tiếp vận hành và bảo vệ công trình.

+ Thực hiện việc quan trắc chất lượng nguồn nước.

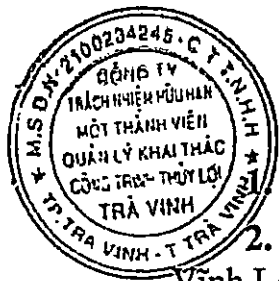
+ Niêm yết công khai kế hoạch vận hành, lịch vận hành, số liệu quan trắc tại nhà quản lý cống.

+ Theo dõi, kiểm tra công trình, kịp thời phát hiện hư hỏng. Báo cáo về trên để có biện pháp bảo trì, bảo dưỡng đảm bảo an toàn trong vận hành.

+ Kiến nghị về Xí nghiệp thủy nông Càng Long, Công ty, các cấp có thẩm quyền, các ngành chức năng hoặc đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết trong trường hợp công trình bị xâm hại, ảnh hưởng đến công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.

+ Thường xuyên tuyên truyền quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cho người dân địa phương, đồng thời có biện pháp kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm công trình.

Phụ lục 6. Công trình cống Tân Định



1. **Tên công trình:** Công trình cống Tân Định.

2. **Địa điểm xây dựng:** huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh và huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

3. **Cấp công trình:** cấp II.

4. **Phân loại công trình thủy lợi:** cống lớn (theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/05/2018 của Chính phủ).

5. **Năm xây dựng – hoàn thành:** 2018-2020.

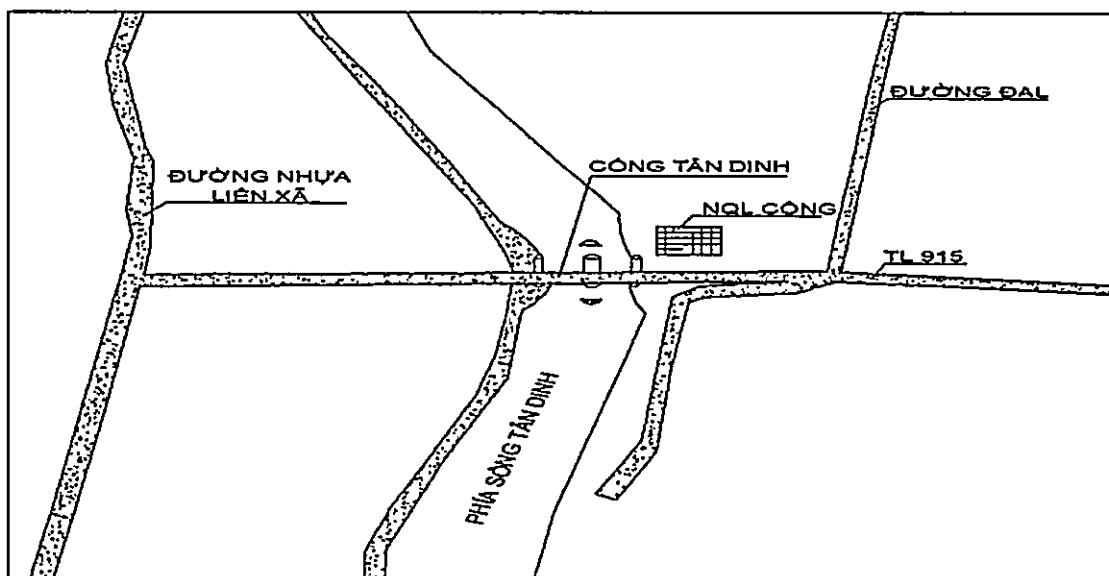
6. **Nhiệm vụ:** Cùng với các công trình khác trong khu dự án, làm nhiệm vụ kiểm soát mặn và triều cường, tạo ra nguồn nước sạch, tiêu úng, cải tạo đất cho 28.459 ha diện tích đất tự nhiên. Riêng cống trực tiếp phục vụ cho 17.084 ha. Góp phần xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng về giao thông, thủy lợi, kết nối giao thông thủy, bộ nội vùng với hệ thống giao thông hiện có.

7. **Giá trị hợp đồng:** 108.000.000.000 đồng.

8. **Đơn vị quản lý, khai thác:** Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh.

9. **Sơ đồ mặt bằng, thông số thiết kế và chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình:**

a) Sơ đồ mặt bằng bố trí công trình:



b) Thông số thiết kế:

- Mức đảm bảo thiết kế tiêu: $P = 90\%$, (có tính đến tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng).

- Tần suất lưu lượng, mực nước lớn nhất để thiết kế, để tính toán ổn định kết cấu công trình, nền móng: $P = 1\%$.

- Tần suất lưu lượng, mực nước kiểm tra, để tính toán ổn định kết cấu công trình, nền móng: $P = 0,5\%$.

- Tần suất lưu lượng, mực nước thấp nhất để tính ổn định, kết cấu, nền

móng công trình: $P = 95\%$.

- Tần suất lưu lượng, mực nước lớn nhất để thiết kế công trình tạm thời, phục vụ công tác dẫn dòng thi công: $P = 10\%$.

- Tần suất mực nước cao thiết kế trên đường tần suất lũy tích mực nước giờ để xác định tĩnh không khoang thông thuyền dưới cầu: $P = 5\%$.

- Tần suất mực nước thấp thiết kế trên đường tần suất lũy tích mực nước giờ để xác định độ sâu, bề rộng và bán kính cong của luồng chạy tàu: $P = 98\%$.

- Hệ số an toàn chung: $[K] = 1,15$.

Phần công:

- Công hờ, khẩu diện thông công 40m, chia thành 02 khoang cửa, mỗi khoang có chiều rộng thông nước 20m.

- Kích thước cửa $B \times H = (20 \times 8)$ m.

- Cao trình ngưỡng công: -5,0m.

- Cao trình đỉnh trụ pin: +3,0m.

- Tường biên, trụ pin dài: 17m.

- Cầu giao thông trên công (nổi tĩnh lộ 915): Tải trọng HL93; chiều rộng mặt cầu phân xe chạy $B = 7$ m; cầu gồm 08 nhịp (06 nhịp dầm I 24,54m và 02 nhịp bệ dầm hộp 21,2m); cao trình đáy dầm cầu vị trí thông thuyền (+5,50).

Phần kênh dẫn thương, hạ lưu:

- Chiều dài: $L_{\text{phía đồng}}/L_{\text{phía sông}} = 51,47\text{m}/58,74\text{m}$.

- Chiều rộng kênh mở rộng dần để kết nối với đoạn kết chuyển tiếp: $B = (42,70 \div 70,00)$ m.

- Cao trình bờ kênh: +2,20m (Có bố trí tường chắn sóng để nối tiếp với tường thân công, cao trình đỉnh tường chắn sóng +3,00m).

- Cao trình đáy kênh tại cửa ra phía sông: -6,65m.

- Cao trình đáy kênh tại cửa ra phía đồng: -6,0m.

- Phần đoạn kênh còn lại đáy kênh thay đổi theo cao trình đáy lòng sông, cao độ (-7,68 ÷ -8,39)m.

- Mái kênh là tường cừ BTCT dự ứng lực SW600B dài 18,0m.

- Đáy kênh gia cố rọ đá + thảm đá.

Phần đoạn chuyển tiếp với thương, hạ lưu công:

- Chiều dài: $L_{\text{phía đồng}}/L_{\text{phía sông}} = 34,00\text{m}/40,60\text{m}$.

- Chiều rộng đáy: $B = 49,0\text{m}$, hệ số mái $m = 2,5$.

- Cao trình bờ kênh: +2,20m.

- Cao trình đáy kênh thay đổi theo cao trình đáy lòng sông, cao độ (-7,68 ÷ -8,39)m. Được gia cố chống xói lở bằng rọ đá, thảm đá, bên dưới có lớp vải địa kỹ thuật.

Nhà Quản lý: cấp IV, 1 tầng, diện tích sử dụng 56m².

c) Quản lý theo ranh mốc công trình.

- Quản lý ranh mốc theo phạm vi xây dựng công trình (diện tích giải phóng mặt bằng).

- Chưa thực hiện việc cắm mốc chỉ giới thủy lợi.

10. Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ công:

- Công trình có nhiệm vụ kiểm soát mặn mặn, triều cường, tiêu úng, cải tạo đất cho huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh và huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra, cấp nước sinh hoạt cho nhân dân và tạo địa bàn bố trí dân cư, kết hợp giao thông thủy bộ tạo thành mạng lưới giao thông thủy bộ liên hoàn.

- Công trình thủy lợi công Tân Dinh hiện có 02 người trực tiếp tham gia công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Trực tiếp vận hành và bảo vệ công trình.

+ Thực hiện việc quan trắc chất lượng nguồn nước.

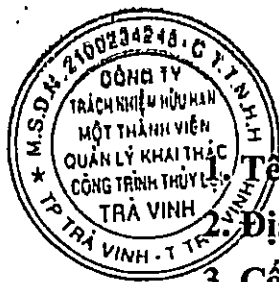
+ Niêm yết công khai kế hoạch vận hành, lịch vận hành, số liệu quan trắc tại nhà quản lý công.

+ Theo dõi, kiểm tra công trình, kịp thời phát hiện hư hỏng. Báo cáo về trên để có biện pháp bảo trì, bảo dưỡng đảm bảo an toàn trong vận hành.

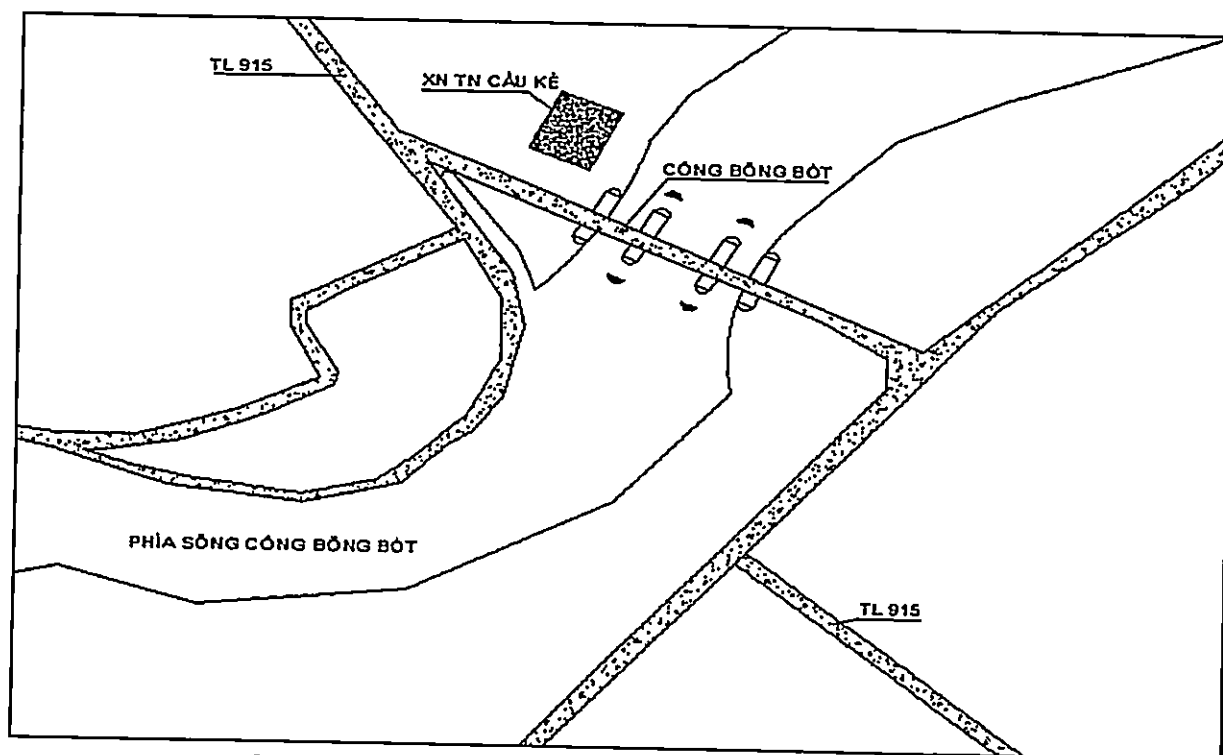
+ Kiến nghị về Xí nghiệp thủy nông Cầu Kè, Công ty, các cấp có thẩm quyền, các ngành chức năng hoặc đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết trong trường hợp công trình bị xâm hại, ảnh hưởng đến công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.

+ Thường xuyên tuyên truyền quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cho người dân địa phương, đồng thời có biện pháp kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm công trình.

Phụ lục 7. Công trình cống Bông Bót



1. Tên công trình: Công trình cống Bông Bót.
2. Địa điểm xây dựng: xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè.
3. Cấp công trình: Cấp II.
4. Phân loại công trình thủy lợi: cống lớn (theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/05/2018 của Chính phủ).
5. Năm xây dựng – hoàn thành: 2018-2020.
6. Nhiệm vụ: cùng với các công trình khác trong khu dự án, làm nhiệm vụ kiểm soát mặn và triều cường, tạo ra nguồn nước sạch, tiêu úng, cải tạo đất cho 28.459 ha diện tích đất tự nhiên. Riêng cống trực tiếp phục vụ cho 11.470 ha. Góp phần xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng về giao thông, thủy lợi, kết nối giao thông thủy, bộ nội vùng với hệ thống giao thông hiện có.
7. Giá trị hợp đồng: 165.000.000.000 đồng.
8. Đơn vị quản lý, khai thác: Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh.
9. Sơ đồ mặt bằng, thông số thiết kế và chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình:
 - a) Sơ đồ mặt bằng bố trí công trình:



b) Thông số thiết kế:

- + Mức nước kiểm tra lớn nhất ứng với $P = 0,5\%$: +2,19m;
- + Mức nước thiết kế lớn nhất ứng với $P = 1,0\%$: +2,16m;
- + Mức nước thiết kế lớn nhất ứng với $P = 5,0\%$: +2,09m;
- + Mức nước lớn nhất ứng với BĐKH&NBD 2050 : +2,43m.

+ Mức nước lớn nhất ứng với BĐKH&NBD 2100 : +2,82m.

+ Mức nước nhỏ nhất ứng với $P = 95\%$: -2,09m.

+ Mức nước giờ cao $p = 5\%$: +1,3 tưới: $p = 75\%$.

Phần cống:

- Cống hở, khẩu diện thông cống 60m, chia thành 03 khoang cửa, mỗi khoang có chiều rộng thông nước 20m.

- Kích thước cửa $B \times H = (20 \times 8)m$.

- Cao trình ngưỡng cống: -5,0m.

- Cao trình đỉnh trụ pin: +3,0m.

- Tường biên, trụ pin dài: 18m.

- Cầu giao thông trên cống (nổi tĩnh lộ 915): Tải trọng HL93; chiều rộng mặt cầu phân xe chạy $B = 7m$; cầu gồm 09 nhịp (06 nhịp dầm I 24,54m và 03 nhịp bằng dầm hộp 22,65m); cao trình đáy dầm cầu vị trí thông thuyền (+6,80).

Phân gia cố thượng, hạ lưu và kè bờ:

- Lòng dẫn thượng lưu được gia cố dài 167 m trong đó gia cố rọ đá $2 \times 1 \times 1m$ dài 3m sau đó là rọ đá $5 \times 2 \times 0,5m$ dài 12m, sau đó thảm đá $6 \times 2 \times 0,3m$ dài trung bình 152m.

- Lòng dẫn hạ lưu được gia cố dài 176m trong đó gia cố rọ đá $2 \times 1 \times 1m$ dài 3m sau đó là rọ đá $5 \times 2 \times 0,5m$ dài 12m, sau đó thảm đá $6 \times 2 \times 0,3m$ dài trung bình 161m.

- Kè bảo vệ hai bờ kênh (trước và sau cống): loại kè mái đứng, bằng cừ BTCT dự ứng lực SW600B; đáy gia cố chống xói lở bằng rọ đá, thảm đá.

Đoạn chuyển tiếp với thượng, hạ lưu cống: được gia cố chống xói lở bằng rọ đá, thảm đá (bên dưới có lớp vải địa kỹ thuật).

Nhà Quản Lý: cấp III, 2 tầng, diện tích sử dụng $220m^2$. Nhằm thuận tiện trong công tác quản lý, vận hành; Từ năm 2021 Xí nghiệp thủy nông Cầu Kè được di dời về đặt tại Nhà Quản lý cống Bông Bót.

c) Quản lý theo ranh mốc công trình.

- Quản lý ranh mốc theo phạm vi xây dựng công trình (diện tích giải phóng mặt bằng).

- Chưa thực hiện việc cắm mốc chỉ giới thủy lợi.

10. Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ cống:

- Công trình có nhiệm vụ kiểm soát mặn mặn, triều cường, tiêu úng, trên địa bàn huyện Cầu Kè. Ngoài ra, cấp nước sinh hoạt cho nhân dân và tạo địa bàn bố trí dân cư, kết hợp giao thông thủy bộ tạo thành mạng lưới giao thông thủy bộ liên hoàn.

- Công trình thủy lợi cống Bông Bót hiện có 02 người trực tiếp tham gia công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Trực tiếp vận hành và bảo vệ công trình.

- + Thực hiện việc quan trắc chất lượng nguồn nước.
- + Niêm yết công khai kế hoạch vận hành, lịch vận hành, số liệu quan trắc tại nhà quản lý công.
- + Theo dõi, kiểm tra công trình, kịp thời phát hiện hư hỏng. Báo cáo về trên để có biện pháp bảo trì, bảo dưỡng đảm bảo an toàn trong vận hành.
- + Kiến nghị về Xí nghiệp thủy nông Cầu Kè, Công ty, các cấp có thẩm quyền, các ngành chức năng hoặc đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết trong trường hợp công trình bị xâm hại, ảnh hưởng đến công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.
- + Thường xuyên tuyên truyền quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cho người dân địa phương, đồng thời có biện pháp kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm công trình.



Phụ lục 8. Công trình cống Rạch Rum

1. Tên công trình: Công trình cống Rạch Rum.

2. Địa điểm xây dựng: xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè.

3. Cấp công trình: cấp III (theo Quyết định 1085/QĐ-BNN-XNCB ngày 15/04/2002 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

4. Phân loại công trình thủy lợi: cống lớn (theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/05/2018 của Chính phủ).

5. Năm xây dựng – hoàn thành: 2002-2004.

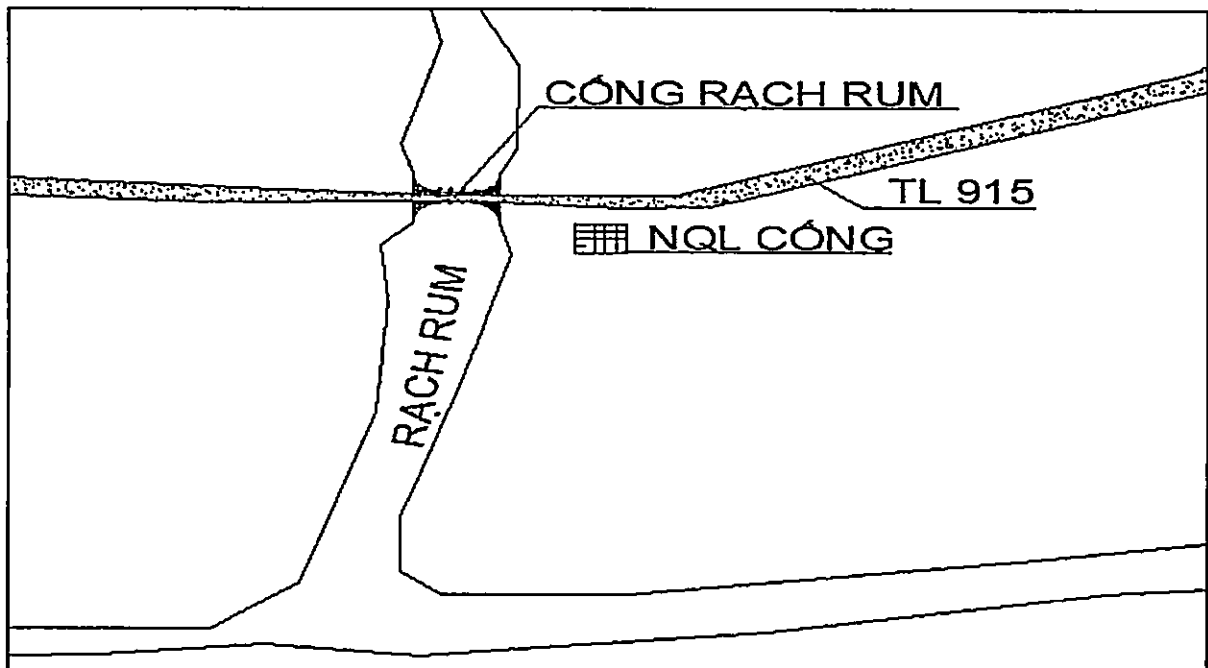
6. Nhiệm vụ: cùng với các công trình khác của Tiểu dự án Nam Măng Thít có nhiệm vụ: ngăn mặn xâm nhập và tiêu nước cho vùng dự án có diện tích tự nhiên 225.682ha. Dẫn ngọt tưới, tiêu, xả phèn, cải tạo đất cho 171.626 ha diện tích nông nghiệp, tưới vườn cây ăn trái, phát triển thủy sản, chăn nuôi. Cấp nước sinh hoạt và cấp nước sạch nông thôn. Kết hợp giao thông thủy bộ, đắp nền dân cư. Cải tạo môi trường sinh thái.

7. Tổng vốn đầu tư (giá trị theo thiết kế kỹ thuật): toàn công trình: 35.097.000.000 đồng. Trong đó giá trị xây lắp 25.401.000.000 đồng.

8. Đơn vị quản lý, khai thác: Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh.

9. Sơ đồ mặt bằng, thông số thiết kế và chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình:

a) Sơ đồ mặt bằng bố trí công trình:



b) Thông số thiết kế:

- Tần suất đảm bảo tưới: $p=75\%$.
- Tần suất tiêu:
- + Mưa trong đồng: $p=10\%$.

+ Triều ngoài sông : P=25%.

Phần cống:

- Khẩu diện thông cống 30m, chia thành 03 khoang cửa.

- Kích thước cửa BxH= (10,7x6,7)m.

- Cao trình ngưỡng cống: -4,2m.

- Cao trình đỉnh tường biên: +3,0m.

- Trên cống có cầu giao thông tiêu chuẩn tải trọng H18-X80 bằng bê tông cốt thép M300, mặt rộng 7m.

Phần kênh dẫn thương, ha lưu: Chiều rộng đáy 42m, cao trình đáy: -4,0m; dài L= 218m.

Phần đường nối cống với đê bao: Chiều dài 100m; cao trình mặt +4,77 ÷ +2,50m, rộng 7m, rải đất cấp phối dày 0,3m, rộng 5m.

Nhà Quản Lý: cấp III, diện tích 60m² (theo Quyết định 1085/QĐ-BNN - XNCB ngày 015/04/2002 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

c) Quản lý theo ranh mốc công trình.

- Quản lý ranh mốc theo phạm vi xây dựng công trình (diện tích giải phóng mặt bằng).

- Chưa thực hiện việc cắm mốc chỉ giới thủy lợi.

10. Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ cống:

- Công trình có nhiệm vụ kiểm soát mặn mặn, tiêu úng, tiêu chua, xở phèn cải tạo môi sinh môi trường trên địa bàn huyện Cầu Kè. Ngoài ra, cấp nước sinh hoạt cho nhân dân và tạo mạng lưới giao thông đường thủy góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh.

- Công trình thủy lợi cống Rạch Rum hiện có 01 người trực tiếp tham gia công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Trực tiếp vận hành và bảo vệ công trình.

+ Thực hiện việc quan trắc chất lượng nguồn nước.

+ Niêm yết công khai kế hoạch vận hành, lịch vận hành, số liệu quan trắc tại nhà quản lý cống.

+ Theo dõi, kiểm tra công trình, kịp thời phát hiện hư hỏng. Báo cáo về trên để có biện pháp bảo trì, bảo dưỡng đảm bảo an toàn trong vận hành.

+ Kiến nghị về Xí nghiệp thủy nông Cầu Kè, Công ty, các cấp có thẩm quyền, các ngành chức năng hoặc đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết trong trường hợp công trình bị xâm hại, ảnh hưởng đến công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.

+ Thường xuyên tuyên truyền quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cho người dân địa phương, đồng thời có biện pháp kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm công trình.

Phụ lục 9. Công trình cống Mỹ Văn



1. Tên công trình: Công trình cống Mỹ Văn.

2. Địa điểm xây dựng: xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè.

3. Cấp công trình: cấp III (theo Quyết định số: 4709 QĐ/BNN-XD ngày 30/12/2004 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

4. Phân loại công trình thủy lợi: cống vừa (theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/05/2018 của Chính phủ).

5. Năm xây dựng – hoàn thành: 2002-2005.

6. Nhiệm vụ: cùng với các công trình khác của Tiểu dự án Nam Măng Thít có nhiệm vụ: ngăn mặn xâm nhập và tiêu nước cho vùng dự án có diện tích tự nhiên 225.682ha. Dẫn ngọt tưới, tiêu, xô phèn, cải tạo đất cho 171.626 ha diện tích nông nghiệp, tưới vườn cây ăn trái, phát triển thủy sản, chăn nuôi. Cấp nước sinh hoạt và cấp nước sạch nông thôn. Kết hợp giao thông thủy bộ, đắp nền dân cư. Cải tạo môi trường sinh thái.

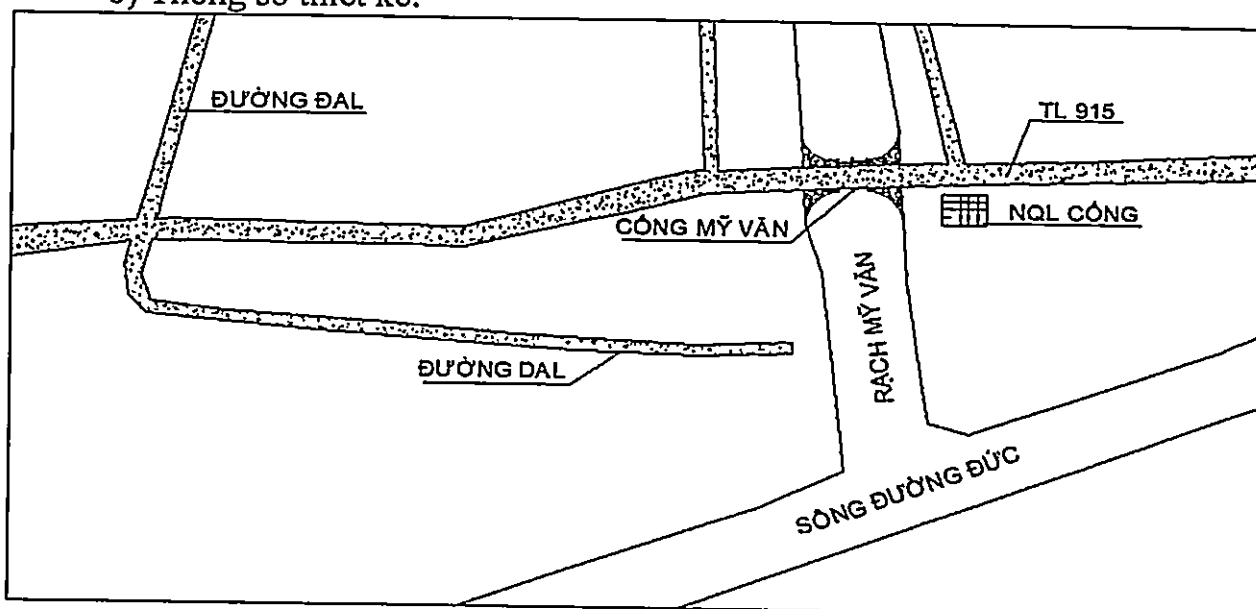
7. Tổng vốn đầu tư (giá trị theo thiết kế kỹ thuật): toàn công trình: 20.024.000.000 đồng. Trong đó giá trị xây lắp 14.527.000.000 đồng.

8. Đơn vị quản lý, khai thác: Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh.

9. Sơ đồ mặt bằng, thông số thiết kế và chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình:

a) Sơ đồ mặt bằng bố trí công trình:

b) Thông số thiết kế:



- Tần suất đảm bảo tưới: $p=75\%$.

- Tần suất tiêu:

+ Mưa trong đồng: $p=10\%$.

+ Triều ngoài sông : $P=25\%$.

Phân công:

- Khẩu diện thông cống 20m, chia thành 02 khoang cửa.
- Kích thước cửa BxH= (10,5x6,75) m.
- Cao trình ngưỡng cống: -4,0m.
- Cao trình đỉnh tường biên: +2,5m.

Trên cống có cầu giao thông tiêu chuẩn tải trọng H18-X80 bằng bê tông cốt thép M300, mặt rộng 7m, cao trình đáy dầm +4,5m.

Phần kênh dẫn thương, hạ lưu: chiều rộng đáy 27m, cao trình đáy: -4,0m; chiều dài L=200m.

Phần đường nối cống với đê bao: dài 430m; chiều rộng mặt 6m; rải cấp phối dài 0,3m, rộng 5m.

Nhà Quản Lý: cấp III, diện tích 54m² (theo Quyết định số: 4709 QĐ/BNN-XD ngày 30/12/2004 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

c) Quản lý theo ranh mốc công trình.

- Quản lý ranh mốc theo phạm vi xây dựng công trình (diện tích giải phóng mặt bằng).

- Chưa thực hiện việc cắm mốc chỉ giới thủy lợi.

10. Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ cống:

- Công trình có nhiệm vụ ngăn mặn, tiêu úng, xở phèn trên địa bàn các huyện Cầu Kè, liên các xã Ninh Thới, Phong Phú, Phong Thạnh huyện Cầu Kè và xã Tân An, huyện Càng Long. Ngoài ra, cấp nước sinh hoạt cho nhân dân và tạo mạng lưới giao thông đường thủy góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh.

- Công trình thủy lợi cống Mỹ Văn hiện có 01 người trực tiếp tham gia công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Trực tiếp vận hành và bảo vệ công trình.

+ Thực hiện việc quan trắc chất lượng nguồn nước.

+ Niêm yết công khai kế hoạch vận hành, lịch vận hành, số liệu quan trắc tại nhà quản lý cống.

+ Theo dõi, kiểm tra công trình, kịp thời phát hiện hư hỏng. Báo cáo về trên để có biện pháp bảo trì, bảo dưỡng đảm bảo an toàn trong vận hành.

+ Kiến nghị về Xí nghiệp thủy nông Cầu Kè, Công ty, các cấp có thẩm quyền, các ngành chức năng hoặc đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết trong trường hợp công trình bị xâm hại, ảnh hưởng đến công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.

+ Thường xuyên tuyên truyền quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cho người dân địa phương, đồng thời có biện pháp kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm công trình.

Phụ lục 10. Công trình cống Cần Chông.



1. Tên công trình: Công trình cống Cần Chông.

2. Địa điểm xây dựng: xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần.

3. Cấp công trình: cấp III (theo Quyết định 697/QĐ-BNN-XNCB ngày 05/03/2002 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

4. Phân loại công trình thủy lợi: cống lớn (theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/05/2018 của Chính phủ).

5. Năm xây dựng – hoàn thành: 2004-2005.

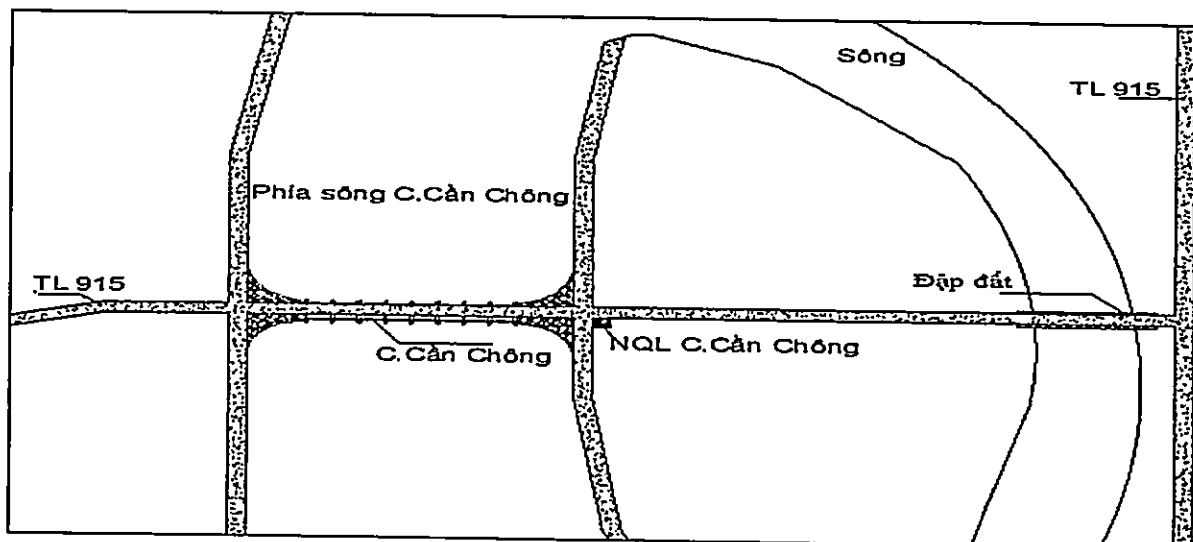
6. Nhiệm vụ: cùng với các công trình khác phục vụ diện tích: tưới 177.792 ha, tiêu 267.000 ha. Riêng cống trực tiếp ngăn mặn, tạo nguồn 14.040 ha, tiêu 16.500 ha. Cấp nước cho sinh hoạt, tiêu chua, cải tạo đất, cải tạo môi sinh môi trường, đảm bảo giao thông thủy bộ.

7. Tổng vốn đầu tư (giá trị theo thiết kế kỹ thuật): toàn công trình: 67.796.000.000 đồng. Trong đó giá trị xây lắp 50.752.000.000 đồng.

8. Đơn vị quản lý, khai thác: Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh.

9. Sơ đồ mặt bằng, thông số thiết kế và chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình:

a) Sơ đồ mặt bằng bố trí công trình:



b) Thông số thiết kế:

- Tần suất đảm bảo tưới: $p=75\%$.

- Tần suất tiêu:

+ Mưa trong đồng: $p=10\%$.

+ Triều ngoài sông : $P=25\%$.

Phân cống:

- Khẩu diện thông cống 80m, chia thành 08 khoang cửa.

- Kích thước cửa $B \times H = (10,5 \times 7,2)m$.

- Cao trình ngưỡng cống: -4,5m.
- Cao trình đỉnh tường biên: +2,5m.
- Trên cống có cầu giao thông tiêu chuẩn tải trọng H18-X80 bằng bê tông cốt thép M300, mặt rộng 7m.

Phần đập đất: Dài 110m; cao trình đỉnh đập: +3,0m; chiều rộng mặt 10m; rải cấp phối dài 0,3m, rộng 8m.

Phần kênh dẫn thương, hạ lưu: Chiều rộng đáy 100m, cao trình đáy: -4,5m; phía sông L=1.338m, phía đồng L=1.059m.

Phần đường quản lý nổi cống đập kết hợp đê bao: Chiều dài 1.165m; cao trình mặt +2,5m, rộng 6m, rải đất cấp phối dày 0,3m, rộng 4m.

Nhà quản lý cống: cấp III, diện tích 100m² (theo Quyết định 697/QĐ-BNN- XNCB).

c) Quản lý theo ranh mốc công trình.

- Quản lý ranh mốc theo phạm vi xây dựng công trình (diện tích giải phóng mặt bằng).

- Chưa thực hiện việc cắm mốc chỉ giới thủy lợi.

10. Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ cống:

- Công trình có nhiệm vụ ngăn mặn, tiêu úng, xở phèn trên địa bàn các huyện Tiểu Cần và Cầu Kè, liên các xã Long Thới, Ninh Thới, Phú Cần huyện Tiểu Cần; Phong Thạnh huyện Cầu Kè. Ngoài ra, cấp nước sinh hoạt cho nhân dân và tạo mạng lưới giao thông đường thủy góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh.

- Công trình thủy lợi cống Cần Chông hiện có 03 người trực tiếp tham gia công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Trực tiếp vận hành và bảo vệ công trình.

+ Thực hiện việc quan trắc chất lượng nguồn nước.

+ Niêm yết công khai kế hoạch vận hành, lịch vận hành, sổ liệu quan trắc tại nhà quản lý cống.

+ Theo dõi, kiểm tra công trình, kịp thời phát hiện hư hỏng. Báo cáo về trên để có biện pháp bảo trì, bảo dưỡng đảm bảo an toàn trong vận hành.

+ Kiến nghị về Xí nghiệp thủy nông Tiểu Cần, Công ty, các cấp có thẩm quyền, các ngành chức năng hoặc đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết trong trường hợp công trình bị xâm hại, ảnh hưởng đến công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.

+ Thường xuyên tuyên truyền quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cho người dân địa phương, đồng thời có biện pháp kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm công trình.

Phụ lục 11. Công trình cống Vàm Buôn



1. Tên công trình: Công trình cống Vàm Buôn.

2. Địa điểm xây dựng: xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú.

3. Cấp công trình: cấp III (theo Quyết định số 1558 NN- ĐTXDCB/QĐ ngày 13/09/1996 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

4. Phân loại công trình thủy lợi: cống vừa (theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/05/2018 của Chính phủ).

5. Năm xây dựng – hoàn thành: 1998-1999.

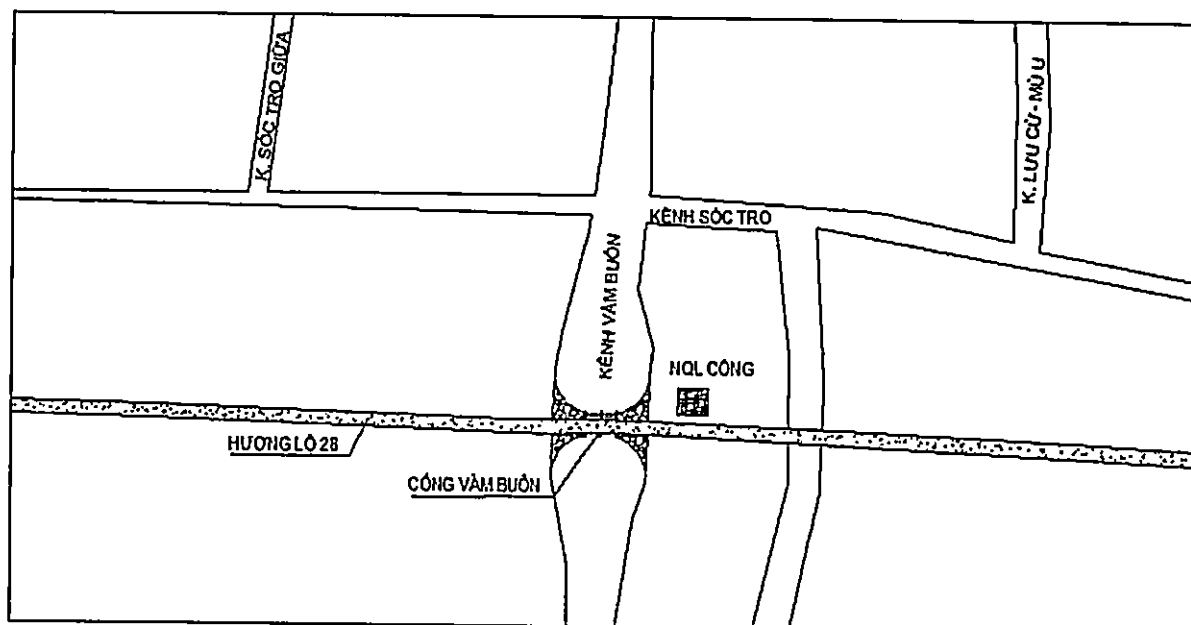
6. Nhiệm vụ: cùng với các công trình khác ngăn mặn, giữ ngọt trong mùa khô phục vụ tưới cho 8.511 ha diện tích đất canh tác nông nghiệp, giải quyết nước sinh hoạt cho nhân dân trong vùng. Kết hợp lấy nước ngọt trong những tháng cửa rạch Vàm Buôn có ngọt. Tiêu úng, tiêu chua cho diện tích 9.839 ha đất tự nhiên. Cải thiện điều kiện giao thông thủy bộ, tạo địa bàn bố trí dân cư, cải thiện điều kiện sinh hoạt cho nhân dân trong vùng.

7. Tổng vốn đầu tư (giá trị tài sản bàn giao): toàn công trình: 8.825.997.136 đồng. Trong đó giá trị công đập 8.700.161.711 đồng.

8. Đơn vị quản lý, khai thác: Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh.

9. Sơ đồ mặt bằng, thông số thiết kế và chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình:

a) Sơ đồ mặt bằng bố trí công trình:



b) Thông số thiết kế:

- Tần suất đảm bảo tưới: $p=75\%$.

- Tần suất tiêu:

+ Mưa trong đồng: $p=10\%$.

+ Triều ngoài sông : $P=25\%$.

Phần cống:

- Khẩu diện thông cống 15m, chia thành 02 khoang cửa.
- Kích thước cửa BxH= (8,0x5,5)m.
- Cao trình ngưỡng cống: -3,0m.
- Cao trình đỉnh tường biên: +2,5m.
- Trên cống có cầu giao thông tiêu chuẩn tải trọng H13 bằng bê tông cốt thép M250, mặt rộng 5m.

Phần kênh dẫn thương, ha lưu: Chiều rộng đáy 22m, cao trình đáy: -3,0m; dài L= 954m.

Nhà Quản Lý: cấp III, diện tích 45m² (theo Quyết định số 1558 NN-ĐTXDCB/QĐ ngày 13/09/1996 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

c) Quản lý theo ranh mốc công trình.

- Quản lý ranh mốc theo phạm vi xây dựng công trình (diện tích giải phóng mặt bằng).

- Chưa thực hiện việc cắm mốc chỉ giới thủy lợi.

10. Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ cống:

- Công trình có nhiệm vụ ngăn mặn, giữ ngọt, cải tạo môi sinh môi trường trên địa bàn liên xã Phước Hưng, Tập Sơn, Ngãi Xuyên, Lưu Nghiệp Anh, An Quảng Hữu huyện Trà Cú. Ngoài ra, cấp nước sinh hoạt cho nhân dân và tạo mạng lưới giao thông đường thủy góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh.

- Công trình thủy lợi cống Vàm Buôn hiện có 01 người trực tiếp tham gia công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Trực tiếp vận hành và bảo vệ công trình.

+ Thực hiện việc quan trắc chất lượng nguồn nước.

+ Niêm yết công khai kế hoạch vận hành, lịch vận hành, số liệu quan trắc tại nhà quản lý cống.

+ Theo dõi, kiểm tra công trình, kịp thời phát hiện hư hỏng. Báo cáo về trên để có biện pháp bảo trì, bảo dưỡng đảm bảo an toàn trong vận hành.

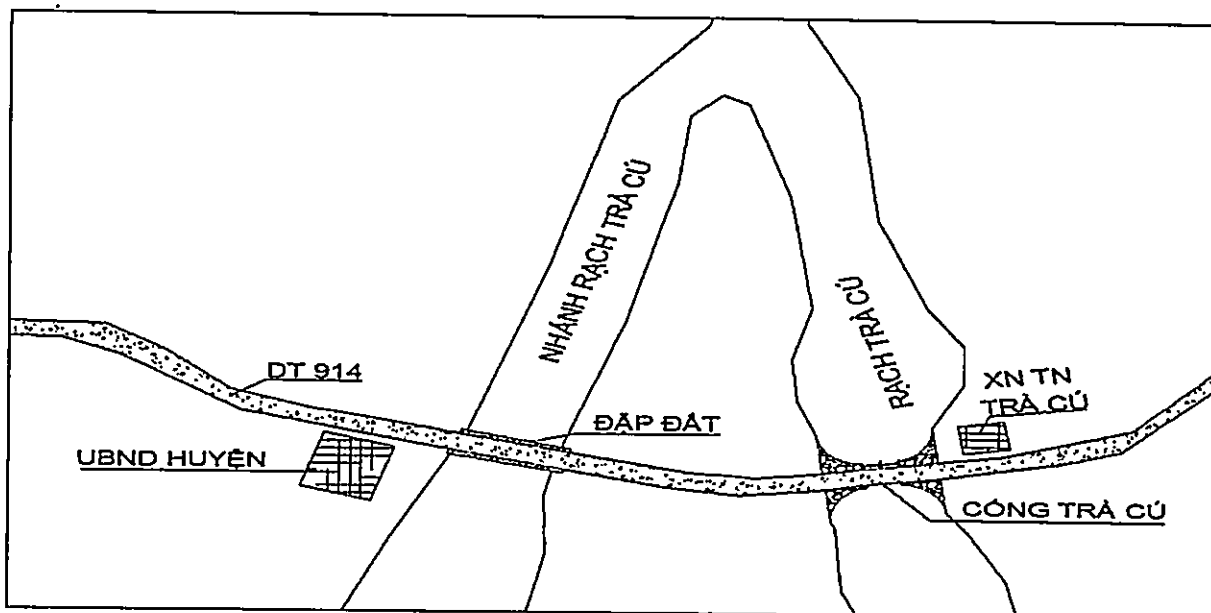
+ Kiến nghị về Xí nghiệp thủy nông Trà Cú, Công ty, các cấp có thẩm quyền, các ngành chức năng hoặc đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết trong trường hợp công trình bị xâm hại, ảnh hưởng đến công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.

+ Thường xuyên tuyên truyền quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cho người dân địa phương, đồng thời có biện pháp kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm công trình.

Phụ lục 12. Công trình cống Trà Cú



1. Tên công trình: Công trình cống Trà Cú.
2. Địa điểm xây dựng: thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú.
3. Cấp công trình: cấp III (theo Quyết định số 1481-QĐ/XDCB ngày 28/12/1992 của Bộ Thủy lợi).
4. Phân loại công trình thủy lợi: cống vừa (theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/05/2018 của Chính phủ).
5. Năm xây dựng – hoàn thành: 1993- 1994.
6. Nhiệm vụ: ngăn mặn, giữ ngọt tưới cho 6.000 ha đất canh tác, giải quyết sinh hoạt cho nhân dân trong vùng và tiêu cho 7.200 ha đất tự nhiên. Kết hợp lấy nước ngọt qua cống để tưới trong những tháng cửa Rạch Trà Cú trên sông Hậu có ngọt. Giải quyết giao thông cho thị trấn Trà Cú, thay cầu Trà Cú cũ.
7. Tổng vốn đầu tư : toàn công trình 9.900.000.000 đồng. Giá trị xây lắp 7.654.000.000 đồng.
8. Đơn vị quản lý, khai thác: Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh.
9. Sơ đồ mặt bằng, thông số thiết kế và chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình:
 - a) Sơ đồ mặt bằng bố trí công trình:



b) Thông số thiết kế:

- Tần suất đảm bảo tưới: $p=75\%$.
- Tần suất tiêu:
 - + Mưa trong đồng: $p=10\%$.
 - + Triều ngoài sông : $P=25\%$.

Phân công:

- Khẩu diện thông cống 15m, chia thành 02 khoang cửa.

- Kích thước cửa BxH= (8,0x5,2)m.
- Cao trình ngưỡng cống: -3,0m.
- Cao trình đỉnh tường biên: +2,5m.
- Trên cống có cầu giao thông tiêu chuẩn tải trọng H13-X60 bằng bê tông cốt thép M250, mặt rộng 8,60m, lòng cầu rộng 7m.

Phần kênh dẫn thương, hạ lưu: Chiều rộng đáy B= 22m, cao trình đáy - 3m. Phía sông 114m, phía đồng 116m.

Phần đập đất: Dài 114m; cao trình đỉnh đập: +2,5m; chiều rộng mặt 10m.

Nhà Quản lý: cấp III diện tích 36 m². Sau thời gian sử dụng, được sửa chữa và nâng cấp thành Xí nghiệp thủy nông Trà Cú.

c) Quản lý theo ranh mốc công trình.

- Quản lý ranh mốc theo phạm vi xây dựng công trình (diện tích giải phóng mặt bằng).

- Chưa thực hiện việc cắm mốc chỉ giới thủy lợi.

10. Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ cống:

- Công trình có nhiệm vụ ngăn mặn, giữ ngọt, cải tạo môi sinh môi trường trên địa bàn liên xã Hàm Giang, Ngọc Biên, Long Hiệp, Tân Hiệp, Thanh Sơn, Ngãi Xuyên, TT Trà Cú, huyện Trà Cú. Ngoài ra, cấp nước sinh hoạt cho nhân dân và tạo mạng lưới giao thông đường thủy góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh.

- Công trình thủy lợi cống Trà Cú hiện có 01 người trực tiếp tham gia công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

- + Trực tiếp vận hành và bảo vệ công trình.
- + Thực hiện việc quan trắc chất lượng nguồn nước.
- + Niêm yết công khai kế hoạch vận hành, lịch vận hành, số liệu quan trắc tại nhà quản lý cống.
- + Theo dõi, kiểm tra công trình, kịp thời phát hiện hư hỏng. Báo cáo về trên để có biện pháp bảo trì, bảo dưỡng đảm bảo an toàn trong vận hành.
- + Kiến nghị về Xí nghiệp thủy nông Trà Cú, Công ty, các cấp có thẩm quyền, các ngành chức năng hoặc đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết trong trường hợp công trình bị xâm hại, ảnh hưởng đến công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.
- + Thường xuyên tuyên truyền quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cho người dân địa phương, đồng thời có biện pháp kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm công trình.

Phụ lục 13. Công trình cống La Bang.



1. Tên công trình: Công trình cống La Bang.

2. Địa điểm xây dựng: xã Đôn Châu, huyện Trà Cú (nay là huyện Duyên Hải).

3. Cấp công trình: cấp IV (theo Quyết định số 4164/QĐ/BNN-ĐTXDCB ngày 15/10/1999 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

4. Phân loại công trình thủy lợi: công vừa (theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/05/2018 của Chính phủ).

5. Năm xây dựng – hoàn thành: 2000-2003.

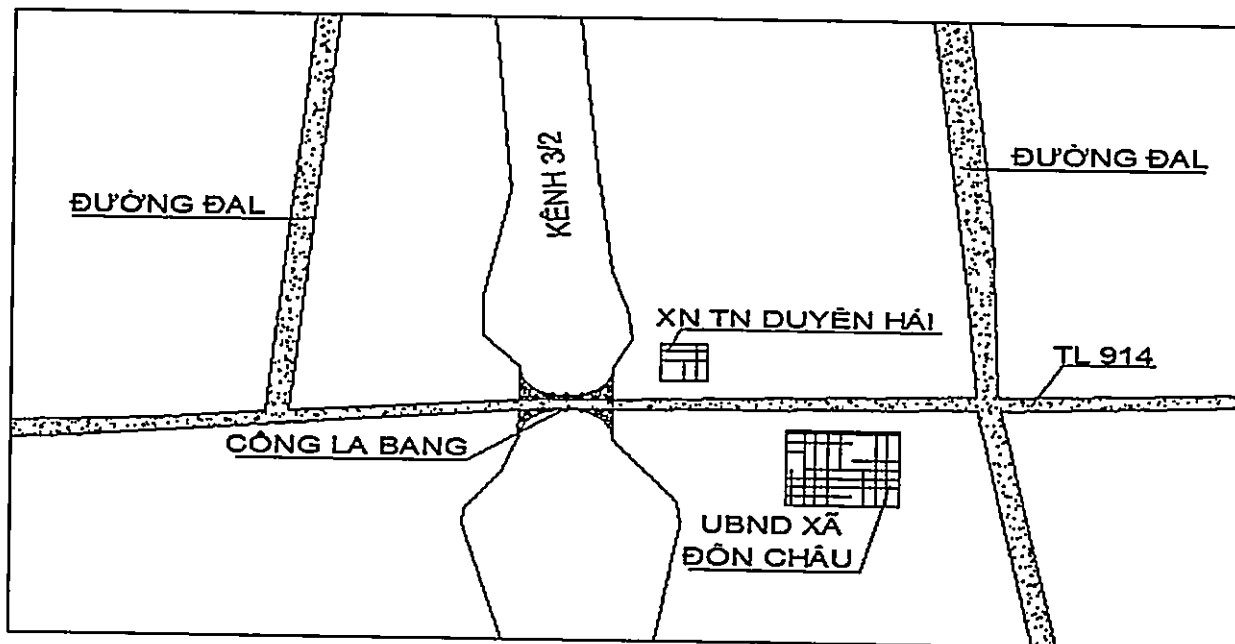
6. Nhiệm vụ: ngăn mặn, tiêu úng, tiêu chua rửa phèn cải tạo đất cho 14.214 ha đất tự nhiên. Lấy ngọt từ kênh 3/2 tưới cho 11.131 ha đất canh tác. Kết hợp giao thông thủy bộ.

7. Tổng vốn đầu tư : toàn bộ công trình 7.920.225.664 đồng; trong đó giá trị xây lắp 5.933.637.000 đồng.

8. Đơn vị quản lý, khai thác: Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh.

9. Sơ đồ mặt bằng, thông số thiết kế và chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình:

a) Sơ đồ mặt bằng bố trí công trình:



b) Thông số thiết kế:

- Tần suất đảm bảo tưới: $p=75\%$.

- Tần suất tiêu:

+ Mưa trong đồng: $p=10\%$.

+ Triều ngoài sông : $P=25\%$.

Phân công:

- Khẩu diện thông cống 10m, chia thành 02 khoang cửa.
- Kích thước cửa BxH= (5,5x5,7)m.
- Cao trình ngưỡng cống: -3,0m.
- Cao trình đỉnh tường biên: +2,5m.
- Trên cống có cầu giao thông tiêu chuẩn tải trọng H18-X60 bằng bê tông cốt thép M250÷M300, mặt rộng 9,0m, cao trình đáy +4,0m.

Phần kênh dẫn thương, hạ lưu: Chiều rộng đáy kênh B= 15m, cao độ đáy kênh -3,0m; phía sông dài L=92m, phía đồng L=61m.

Nhà Quản Lý: cấp III, diện tích 60m². Sau thời gian sử dụng, được sửa chữa và nâng cấp thành Xí nghiệp thủy nông Duyên Hải.

c) Quản lý theo ranh mốc công trình.

- Quản lý ranh mốc theo phạm vi xây dựng công trình (diện tích giải phóng mặt bằng).

- Chưa thực hiện việc cắm mốc chỉ giới thủy lợi.

10. Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ cống:

- Công trình có nhiệm vụ ngăn mặn, tiêu úng, tiêu chua, xô phèn cải tạo môi sinh môi trường trên địa huyện Trà Cú, Duyên Hải. Ngoài ra, cấp nước sinh hoạt cho nhân dân và tạo mạng lưới giao thông góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh.

- Công trình thủy lợi cống La Bang hiện có 01 người trực tiếp tham gia công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

- + Trực tiếp vận hành và bảo vệ công trình.
- + Thực hiện việc quan trắc chất lượng nguồn nước.
- + Niêm yết công khai kế hoạch vận hành, lịch vận hành, số liệu quan trắc tại nhà quản lý cống.
- + Theo dõi, kiểm tra công trình, kịp thời phát hiện hư hỏng. Báo cáo về trên để có biện pháp bảo trì, bảo dưỡng đảm bảo an toàn trong vận hành.
- + Kiến nghị về Xí nghiệp thủy nông Duyên Hải, Công ty, các cấp có thẩm quyền, các ngành chức năng hoặc đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết trong trường hợp công trình bị xâm hại, ảnh hưởng đến công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.
- + Thường xuyên tuyên truyền quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cho người dân địa phương, đồng thời có biện pháp kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm công trình.